

Nguyễn Duy Chính

NGÔ THÌ NHẠM

1746-1803

吳時任



“Ngô Thì Nhậm là nhà văn hoá lớn bậc nhất của thế kỷ 18, thế kỷ của những rung chuyển xã hội và lịch sử, thế kỷ tạo ra những con người không lờ của lịch sử văn hoá. Ông là nhà chính trị, nhà văn hoá... đã có những đóng góp lớn lao trong một thời điểm bi thương và hào hùng của lịch sử...”

Những dòng chữ trên đây trích trong Lời Nói Đầu của Mai Quốc Liên trong bộ sách bốn cuốn tương đối công phu và vĩ đại có nhan đề Ngô Thì Nhậm tác phẩm do Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học - nxb Văn Học ấn hành tại Việt Nam năm 2001.

Ngô Thì Nhậm – mà miền Nam chúng ta thường quen gọi là Ngô Thời Nhiệm vì kiêng tên vua Tự Đức (Hong Nhậm) - không phải chỉ là một nhà văn hóa. Ông được đánh giá dưới nhiều phương diện khác nhau, một nhà nho uyên bác, một nhà chính trị tài ba và một nhà ngoại giao lỗi lạc. Ngoài ra ông còn được coi như một trong những cư sĩ đóng góp nhiều cho Thiên học phái Trúc Lâm.

Viết về ông xuất hiện đầy rẫy trong văn chương cũng như biên khảo. Khi ca

tụng vua Quang Trung, người ta dường như không thể tách rời sự thành công quân sự của ông với nhãn quan chính trị của người văn thần họ Ngô và những thắng lợi về ngoại giao mà người bày tôi này đóng góp. Ở trong nước, người nào dám đụng chạm hay nghi ngờ ông là đã phạm vào một điều cấm kỵ, một thứ phạm húy và có thể bị suy diễn thành những tội tày trời.

Trong bài này, chúng tôi xin xác định trước. Chúng tôi không đề cập đến con người tôn giáo, cũng không bình luận văn chương và sở học tế thể kinh bang của ông mà chỉ đánh giá lại một số vấn đề liên quan trực tiếp đến tư cách chính trị của Ngô Thì Nhậm.

TIỂU SỬ:

Ngô Thì Nhậm là con trai của Ngộ Phong Ngô Thời Sĩ, người làng Tả Thanh Oai, tỉnh Hà Đông. Ông từ trẻ đã nổi tiếng thông minh, đỗ Tiến Sĩ năm Ất Mùi đời Cảnh Hưng thứ 36 (1775), được chúa Trịnh Sâm vời vào làm tư giảng, dạy thế tử Trịnh Khải. Về sau ông được bổ nhiệm làm đốc đồng xứ Kinh Bắc.

Sau vụ án năm Canh Tý mà ông có liên quan, ông được thăng lên thị lang bộ Công nhưng khi Trịnh Khải lấy lại được nghiệp chúa, ông phải trốn về quê vợ ở Sơn Nam, thay tên đổi họ ở đó trong 6 năm, mãi đến khi Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai, xuống lệnh tìm quan lại cũ để làm việc thì ông nắm lấy cơ hội ra trình diện được Nguyễn Huệ phong cho làm tả thị lang bộ Lại, cùng với trung thư lệnh Trần Văn Kỷ lo việc chiêu mộ những người cựu trào ra cộng tác với nhà Tây Sơn.

Nhờ có văn tài, Ngô Thì Nhậm được Nguyễn Huệ tin dùng trong việc giấy tờ giao dịch, bang giao giữa nhà Tây Sơn và Thanh triều ông đóng một vai trò khá quan trọng mặc dù chưa phải là người có đóng góp to lớn nhất như người ta thường nhầm lẫn.

Sau khi vua Quang Trung mất, ông không còn được trọng dụng như trước nên chuyển sang nghiên cứu Phật giáo, hoàn thành một tác phẩm rất có giá trị là Trúc Lâm Tông Chỉ Nguyên Thanh (1796). Khi Nguyễn Ánh diệt được nhà Tây Sơn, lên ngôi niên hiệu Gia Long, một số cựu thần cộng tác với triều đại cũ bị đem ra đánh trượng trước văn miếu. Ngô Thì Nhậm bị đánh đến chết. Ngoài sử còn truyền lại một câu đối giữa ông và Đặng Trần Thường khi thụ hình:

Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai ai dễ biết ai
Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế thế thời phải thế

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XÉT LẠI:

1/ Vụ án Sát Tứ Phụ Nhi Thị Lang

Dưới nhan đề “Tháng 9, mùa thu, Trịnh Sâm truất bỏ ngôi của con trưởng là Khải và bắt giam giữ”, Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục – Chính Biên quyển XLV chép như sau:

“... Khải là con Dương thị, một phi tần trong phủ chúa. Theo thể lệ cũ, con chúa cứ đến 7 tuổi, cho ra ở nhà riêng để học, nếu là con trưởng thì đến 13 tuổi cho mở phủ đệ và được phong làm thế tử.

Nhưng Sâm cho rằng Khải (tên cũ là Tông) không phải do vợ cả sinh ra, nên không yêu quý, dùng Nguyễn Phương Đĩnh, hoạn quan, làm bảo phó của Khải. Lúc Khải đã 9 tuổi mới cho đi học, dùng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản làm tả tư giảng và hữu tư giảng. Chưa được bao lâu, Trần Thản mất, Nguyễn Lệ cũng ra trấn thủ Sơn Tây, chỉ sai Khải đến ở nhà riêng Nguyễn Phương Đĩnh, theo thời tiết vào phủ đường triều yết mà thôi. Viên quan trong Ngự sử là Nguyễn Thương và Vũ Huy Đĩnh trước sau nhiều lần xin với Sâm về việc lập thế tử, đều bị giáng chức. Sau vì Đặng Thị Huệ, một thị nữ được yêu nuôi, sinh con là Cán, Sâm rất yêu quý, sách phong Đặng thị là Tuyên

Phi. Đặng thị tự gậy dựng lấy bè đảng cho vây cánh được đầy đặn, bên ngoài nương nhờ Hoàng Đình Bảo làm viện trợ, ngầm có ý cướp ngôi thế tử cho Cán. Khải không được yên tâm. Lúc Sâm có bệnh, nhiều lần Khải đến cửa thăm thất để vào châu thăm hỏi, thường bị quân giữ cửa ngăn cản, không được vào.

Ngoài phủ đường có lời phao đồn là Sâm bị bệnh nặng. Khải bàn mưu với gia thần là Đàm Xuân Thụ và bọn đầy tớ nhỏ là Thế và Thảm (hai người đều sót họ) rằng: “Vương thượng mắc bệnh mà ta không được vào châu, nếu xảy ra biến cố như việc tên Cao, tên Tư đã làm ngày trước, thì toan tính thế nào?”. Bọn Xuân Thụ xin bí mật chứa sẵn binh khí, chiêu mộ dũng sĩ, nếu một ngày kia trong phủ đường có sự không lành, thì đóng cửa thành lại, giết Đình Bảo, bắt giam Đặng Thị, rồi phi báo cho quan hai trấn, đem quân vào hộ vệ, thì ngôi chúa có thể vững vàng được. Khải cho lời bàn ấy là đúng, bèn vay ngầm của nội thị Chu Xuân Hán 1,000 lạng bạc, để nuôi dưỡng sĩ và sắm khí giới. Nguyễn Lệ trấn thủ Sơn Tây, từng giữ chức tư giảng cho Khải, Nguyễn Khắc Tuân trấn thủ Kinh Bắc, là con nuôi Nguyễn Phương Đĩnh, cùng Khải vốn có tình thân mật, nay đều cho mật báo, để họ sẵn sàng dự bị. Ngô Thì Nhậm, đốc đồng Kinh Bắc, trước kia, giữ việc hàng ngày giảng nghĩa sách cho Khải, rất được Khải thương yêu kính trọng.

Hà Như Sơn, một tên đầy tớ nhỏ, là học trò (Thì) Nhậm, hiện làm người giữ sách cho Khải. Như Sơn biết được việc này, đem nói với Nhậm, Nguyễn Huy Bá, cấp sự trung là người giao hoạt thâm hiểm, vì tội tham tang, bị bãi chức. Bá cho con dâu vào làm thị tì hầu hạ Đặng thị, lại sai người thân tín cầu cạnh làm hầu hạ Nguyễn Khắc Tuân, nên dò biết việc này, bèn vào phủ tố cáo với Đặng thị. (Thì) Nhậm định tự mình phụ họa với Đặng thị, bèn cùng Huy Bá hợp mưu cáo tố là Khải lén lút cấu kết với hai viên trấn thủ, mưu toan làm việc trái phép. Sâm giận lắm, cho triệu Đình Bảo vào phủ bảo

về việc này, ý Sâm muốn phê phó giao xuống để trị tội ngay. Đình Bảo can rằng: “Khải dám làm việc to lớn này, chính do hai viên quan hai trấn ở Tây và Bắc chủ mưu, nay họ đều cầm quân ở ngoài nếu trị tội một cách vội vàng, e sẽ xảy ra biến cố khác. Vậy chi bằng trước hết triệu hai viên trấn thủ ấy về triều, rồi sau sẽ dần dà phát giác sự trạng để trị tội”. Sâm nhận là phải, bèn hạ lệnh triệu Nguyễn Lệ trấn thủ Sơn Tây. Khi Lệ về đến nơi, Sâm yên ủi có phần hơn trước. Cách mấy hôm sau, mật bắt được bè đảng của Lệ; nhân đấy lại cho triệu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc. Khi Tuân đã về, bắt giam lại cùng với Nguyễn Lệ và Nguyễn Phương Đĩnh, rồi sai Ngô (Thì) Nhậm cùng với hoạn quan là Phạm Huy Thúc tham dự việc tra hỏi. Gặp lúc ấy (Thì) Nhậm vì cha mất, từ chức về, nên đổi sai Lê Quý Đôn tra hỏi lại, bọn Xuân Thủ, Thế và Thảm nhận hết tội lỗi. Sâm bèn truất Khải xuống làm con út (quý tử), giam ở nội phủ. Bọn Xuân Thủ đều bị giết. Nguyễn Lệ và Nguyễn Khắc Tuân bị giam vào ngục. Phương Đĩnh vì nuôi dưỡng Trịnh Khải không thành công trạng gì, nên bị lột hết chức tước đuổi về làng. Khắc Tuân và Chu Xuân Hán đều uống thuốc độc chết.

Trịnh Khải đã bị phế, ở ngôi nhà ba gian, ăn uống ra vào không được tự do, người ta đều lo ngại cho Khải, nhưng không người nào dám nói. Lúc ấy có viên tri châu cũ là Lê Vĩ, dâng thư biện bạch cho Khải là bị tội oan, nhưng không được Trịnh Sâm xét đến.

Trước kia, Ngô (Thì) Nhậm sắp phát giác tội của Khải, đem việc ấy bàn với cha Ngô (Thì) Sĩ, Sĩ cố sức can ngăn, đến nỗi phải đem cái chết để thề bồi với con, nhưng chung qui Nhậm vẫn không theo.

Kịp khi nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Về phần Nhậm, vì có công phát giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Lúc ấy người ta có câu rằng: “Sát tứ phụ nhi thị lang” nghĩa là giết 4 người cha để mà làm thị lang. Câu ấy là có ý khinh bỉ (Thì) Nhậm đó.

Lời chua: Ngô (Thì) Nhậm: người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, là con Ngô (Thì) Sĩ, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau thờ nhà Tây Sơn, làm quan đến thượng thư bộ Binh; đến năm Gia Long thứ nhất, bị đánh bằng trượng cho đến chết.

Tứ phụ: Ý nói Ngô (Thì) Sĩ là thân phụ, thế tử Khải là quân phụ; Khắc Tuân và Xuân Hán là phụ chấp (bạn của bố). (Xuất xứ ở sách cổ Lê nhất thống chí). Có thuyết nói: Nguyễn Lê, Phương Đình và Khắc Tuân đều là phụ chấp của Nhậm, nên gọi là tứ phụ.[1]

Việc này Hoàng Lê Nhất Thống Chí có chép khác đi một chút như sau:

“... Lại nói, từ khi vương tử Cán sinh ra, Thế tử Tông có ý rất bức tức, chỉ sợ mình không được lập làm chúa. Thế tử cùng với bọn gia thần là mấy tên hầu Thế Thọ, Thảm Thọ... nho sinh Đàm Xuân Thụ và tên xuất thân phạm tội lưu Vĩnh Vũ, ngày đêm bàn mưu, lo lắng không biết nên làm thế nào.

Vừa lúc đó, chứng bệnh cũ của chúa lại phát, bệnh tình rất nguy kịch. Một đêm, Thế tử bỗng mơ thấy mình mặc áo châu chàm, đội mũ chữ đinh, đứng ở phủ đường. Sáng mai, Thế tử kể lại với bọn gia thần và nói:

- Ta mơ như vậy là điềm có tang, trong cung nay mai chắc sẽ có biến, ta phải sớm lo liệu trước mới được.

Bọn tôi tớ ấy liền khuyên Thế tử nên ngầm ngầm sắm sửa binh khí, chiêu mộ dũng sĩ: một mai trong cung xảy ra chuyện chẳng lành, thì cứ việc đóng chặt cổng thành, giết Quận Huy, và bắt giữ cả hai mẹ con Thị Huệ, khiến vương tử Cán không thể lên ngôi chúa. Mặt khác báo cho hai trấn Tây Bắc (Sơn Tây, Kinh Bắc) đem quân vào Kinh, bắt ép các đại thần để dựng Thế tử lên ngôi chúa.

Thế tử nghe theo và phao lên rằng mình sắp được lệnh đem quân vào đánh miền Nam. Rồi Thế tử lại sai người báo ngầm cho Khê Trung hầu, giao một ngàn lạng bạc cho nho sinh Đàm Xuân Thụ để Thụ phân phát cho bọn tay

chân đi mua sắm vũ khí. Tiếp đó, Thế tử mật báo cho các viên Trấn thủ ở hai trấn Tây, Bắc chiêu tập dũng sĩ.

Thế tử cất đặt xong thì bệnh của chúa cũng vừa khỏi, việc ấy hơi bị tiết lộ. Hồi đó có Nguyễn Huy Bá người ở Gia Lâm, tính tình nham hiểm xảo hoạt, thường vẫn quen thói tố giác kẻ khác để kiếm quan chức. Năm trước, chính vì Bá đã tố cáo âm mưu nổi loạn của Nguyễn Huy Cơ và Thụy Quận Công mà y được lên làm chức Tham nghị ở trấn Sơn Nam. Dần dà, y ngoi lên chức Tiến triều, rồi lại thăng tới chức Đốc đồng ở trấn Thái Nguyên. Lúc này vì có lỗi bị cách chức, y đang nóng lòng mong lại được ra làm quan. Y bèn sai con dâu cả vào làm đầy tớ cho Thị Huệ, rồi thường nhật nhặt những chuyện chơi bời đùa nghịch của Tông, xui con dâu kể lại cho Thị Huệ để nịnh nọt, lấy lòng. Mặt khác, y lại ngấm sai người nhà tin cậy tới làm bộ hạ của hai viên trấn quan Tây, Bắc để dò xét tình hình. Đến lúc ấy, y đã nắm được phần nào sự việc của bọn này, liền vào báo với Thị Huệ.

Thị Huệ đem việc đó bàn với Quận Huy, Huy bảo Huy Bá viết bức thư kín, rồi Huy tự bỏ vào trong tay áo, đi đến phủ chúa, đuổi hết những người chung quanh, đem thư ra trình chúa.

Chúa xem xong, cả giận, định sai người giao xuống trị tội tức khắc.

Quận Huy can rằng:

- Thế tử quả là có lỗi, nhưng sở dĩ Thế tử dám làm chuyện to lớn như thế chính là do hai viên Trấn thủ Tây, Bắc chủ mưu. Nay hai viên ấy vẫn còn cầm quyền ở ngoài, nếu vội vã trừng trị Thế tử e sẽ có biến khác. Chẳng thà trước hết hãy gọi hai viên ấy về triều giam cả ở trong phủ rồi bấy giờ hãy tuyên bố tội trạng và trừng trị một thể.

Chúa cho là phải. Hôm sau chúa đòi Thế tử vào cung, vờ quở mắng về việc xao nhãng học hành, rồi bắt Thế tử phải đến ở trong một ngôi nhà ba gian trong Trạch Các. Lại sai Tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) là Nguyễn Quỳnh

làm Tả tư giảng, và Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) là Nguyễn Đính làm Hữu tư giảng. Rồi sau đó chúa cho đòi hai viên Trấn thủ Tây Bắc về triều, bữa ấy nhằm ngày 15 tháng 8 năm Canh Tý (1780) niên hiệu Cảnh Hưng.

Lại nói, lúc ấy ở trấn Kinh Bắc có viên Đốc đồng Ngô Thì Nhậm Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) vốn là gia thần và Tuỳ giảng của Thế tử, thường vẫn rất ăn ý với Trấn thủ Thuận sinh hầu (Nguyễn Khắc Thuận). Về phía Thuận, không việc gì là không bàn với Nhậm, duy chỉ có việc âm mưu của Thế tử là Thuận không hề nói đến. Trước đó mấy ngày Sơn Thọ là gia thần của Thế tử, lại từng là học trò của Nhậm, được Thế tử sai đến kể rõ mưu mô của Thế tử cho Nhậm biết, rồi lại ngầm ra lệnh cho Nhậm phái người lên lên vùng Lạng Sơn mua ngựa tốt để dùng vào việc binh. Thì Nhậm hoảng sợ nói:

- Thế tử là người sẽ nối ngôi chúa, mà nước là nước của Thế tử, lo gì mất ngôi mà phải lập mưu ấy? Đây ắt lại do bọn tôi tớ xui giục. Thế tử trẻ người hăng máu, suy nghĩ chưa chín chắn, nên mới nghe họ. Chúa thượng là người xét đoán sáng suốt, há lại che giấu được ngài ư? E rằng tai hoạ sẽ xảy ra lúc nào không biết, bọn gia nhân của Thế tử rồi không còn đất giấu thân đâu.

Đoạn Thì Nhậm vội vã sang kể hết tình đầu cho Khắc Thuận nghe, và khuyên Thuận phải hoá tốc về kinh, can ngăn Thế tử đừng làm việc đó, để tránh tai vạ sau này.

Khắc Thuận không nghe, nói rằng:

- Tiểu chức này với quan lớn, chỉ biết việc tuần phòng khám xét: ngoài ra những việc không dính líu đến ta, thì không nên hé răng.

Thì Nhậm thở dài mà về.

Mấy ngày sau, quả nhiên có lệnh đòi Khắc Thuận và Thì Nhậm. Hai người vội vàng cùng đi. Tới kinh, họ thấy Trấn thủ Sơn Tây (Hồng lĩnh hầu Nguyễn Khả) và a bảo Hân quận công (Nguyễn Đĩnh) đều đã bị triệu về, còn đang ngồi đợi tội ở nhà Tả xuyên. Nguyễn Thuận xin vào điểm Quyển

Bồng gặp chúa, nhưng chúa không cho vào, sai viên quan hầu là Quyển Trung hầu ra trách Khắc Tuân rằng:

- Cậu và thằng Tông đã muốn làm giặc thì cậu cứ việc ra mà sắp sẵn binh mã, đây ta đã có các tướng mạnh để đối địch với cậu!

Khắc Tuân quay ra, gặp Thi Nhậm ở điểm Tiểu bút, Tuân cầm tay Nhậm than:

- Tôi thờ chúa từ khi lọt lòng đến giờ, nay chúa gọi tôi là giặc. Hôm nọ quan lớn nói chuyện, tôi cứ cho làm thường, nay việc đã như thế tính sao bây giờ? Thi Nhậm cũng hoảng hốt chẳng biết trả lời thế nào.

Khắc Tuân liền làm tờ khai, cung khai hết những việc trước rồi nhờ Quyển Trung hầu đưa vào dâng chúa. Nhưng chúa đang giận, không xem, lại sai Quyển Trung hầu đem tờ khai ra xé trước mặt Khắc Tuân.

Khắc Tuân lượm lấy tờ khai bị xé ấy mà ra, nhưng sợ hãi luống cuống chẳng biết đi đường nào.

Viên Trấn thủ Sơn Tây lúc ấy cũng rất lo sợ, có điều muốn nói mà không dám bày tỏ. Ông ta bèn cùng Khắc Tuân nói với Thi Nhậm:

- Bọn tôi ở ngôi trọng yếu mà bị lời gièm pha nặng nề, bây giờ dù có nói gì, chúa cũng chẳng tin. Ngài nên đem những điều nghe thấy viết một tờ khai, đổ tội cho lũ tôi tớ, như vậy may ra bọn tôi mới khỏi bị oan mà Thế tử cũng sẽ an toàn không việc gì.

Thi Nhậm bắt đắc dĩ phải làm theo ý hai người. Chẳng ngờ chúa nhận được tờ khai, lại càng giận dữ nói:

- Quả như lời nói của người ta không sai.

Rồi chúa sai Thi Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn Triều hầu, Đường Trung hầu, Ân Trung hầu cùng tra xét vụ án đó.

Thi Nhậm cùng bọn quan hầu định tìm cách gỡ tội cho Khắc Tuân và viên Trấn thủ Sơn Tây, nhưng vì nhà có tang Nhậm phải bỏ việc quan mà về.

Chúa bèn giao cho viên Đồng Tham tụng là Nghĩa Phái hầu Lê Quý Đôn, Bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) làm thay việc tra xét. Cuối cùng nắm hết được tình hình tội trạng, chúa liền gọi các chính thần vào cung, vừa khóc vừa nói:

- Quả nhân không may gặp phải thằng con bất hiếu, lũ bầy tôi bất trung, chúng ngầm mưu việc phản nghịch, hình tích cũng giống như vụ Thừa Kiên, nhưng tâm địa thì tệ hơn nhiều. Việc bỏ con cả lập con thứ là việc bất đắc dĩ. Các người cũng nên hiểu rõ bụng ta, cứ phép nước mà định tội nó đi! Các quan trong triều bàn rằng: mấy tên tội phạm đều nên xử tử còn riêng về Thế tử thì không dám bàn.

Lời bàn đó dâng lên, chúa cầm bút phê rằng:

- Cứ xét theo nghĩa của kinh Xuân Thu thì phải trị tội tên Tông thật nặng. Nhưng nghĩ tình cha con ruột thịt không nỡ như thế, vậy nên truất nó xuống làm con út, trọn đời giữ đạo làm tôi.

Còn bọn các quan thì viên Trấn thủ Sơn Tây và Khê Trung hầu, vốn đã theo hầu ta từ lúc chưa lên ngôi, cũng có công lao, đặc ân cho tự liệu lấy. Riêng a bảo Hân Quận công là người thật thà không tham dự vào mưu đó cũng được tha tội chết, nhưng phải cách chức xuống làm dân thường.

Mệnh lệnh ban xuống, Khê Trung hầu và Tuân Sinh hầu đều uống thuốc độc tự tử.[2]”

Hoàng Lê Nhất Thống Chí là sách của nhà họ Ngô, trong đó một phần do chính Ngô Thì Nhậm viết nên có tình viết trại đi để gỡ tội cho mình. Mai Quốc Liên cũng biện bạch như sau:

“Sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí (38-39) và Ngô gia thế phả (40) lại chép khác, rằng khi biết có âm mưu đảo chính thì Ngô Thì Nhậm đã từng can ngăn Nguyễn Khắc Tuân và khi bị gọi về triều, Ngô Thì Nhậm còn tìm cách gỡ tội cho bọn họ. Nhưng vừa lúc ấy thì Ngô Thì Nhậm phải về cư tang, việc

xét xử chuyển sang tay Lê Quý Đôn. Lê Quý Đôn vốn ghét Nguyễn Khản nên mới khép vào trọng tội. Ngô gia thế phả còn ghi rằng Hoàng Tố Lý (Quận Huy) vốn ghét Ngô Thì Nhậm, muốn để Ngô Thì Nhậm mắc tai tiếng mới xui Sâm thăng Ngô Thì Nhậm lên làm Công bộ hữu thị lang.

Ngô Thì Nhậm biết Quận Huy hại mình, muốn cố từ, nhưng em là Học Tôn khuyên nên mềm dẻo để tránh thù oán. Ông nhậm chức và lấy có có tang cha không dâng biểu tạ ơn. (Ngô Thì Nhậm tác phẩm I, tr. 38)

Lẽ dĩ nhiên, chúng ta cũng không gạt bỏ quan điểm cho rằng Ngô Thì Nhậm không phải là người tổ giặc việc “âm mưu phản loạn” của Trịnh Khải nhưng chắc chắn ông cũng không phải là người tìm cách “gỡ tội cho bọn họ”. Cái chết của Ngô Thì Sĩ đã quá rõ ràng, chính họ Ngô cũng không thể nào nói gì khác được. Tuy nhiên nếu quả Ngô Thì Nhậm dù không tố cáo nhưng biết chuyện mà không báo thì cũng đồng loã, không lý nào lại được giao cho nhiệm vụ “điều tra” những người đồng phạm khác (Rồi chúa sai Thì Nhậm và bọn quan hầu là Ngạn Triều hầu, Đường Trung hầu, Án Trung hầu cùng tra xét vụ án đó – Hoàng Lê Nhất Thống Chí tr. 20). Còn như nếu quả Quận Huy muốn hại Ngô Thì Nhậm thì đây là dịp bằng vàng để tâu với Trịnh Sâm xử tội ông, việc gì phải cho ông mắc tai tiếng bằng cách xui Trịnh Sâm thăng ông lên “thị lang”. Nếu quả ông có công như thế ắt sau khi Trịnh Khải lấy lại ngôi vương (1782), người ta đã chẳng xui Trịnh Khải bắt ông, may nhờ vị chúa mới này rộng lượng (có lẽ nể tình ông là thầy học trước kia) nên ông mới có thể “chạy trốn về quê vợ ở Sơn Nam trong gần 6 năm” (Ngô Thì Nhậm 39).

Thực ra Ngô Thì Nhậm là phe cánh của Quận Huy và Thị Huệ, thành thử Nguyễn Khắc Tuân không dám bàn với ông, nếu không phải là chính phạm chủ mưu tố cáo để đến nỗi cha ông xấu hổ phải tự tử thì cũng là một người có công rất lớn trong vụ đại án này.

2/ Ba bài biểu “suy tôn” Nguyễn Huệ

Sau khi Trịnh Khải lấy lại được nghiệp chúa, Ngô Thì Nhậm lúc nào cũng nơm nớp sợ bị trả thù nên trốn về quê vợ, nghiên cứu sách vở và tôn giáo. Việc đó cũng chỉ là thường tình của những người bị thất sủng, không phải cao khiết gì, chẳng qua ông chỉ nằm nhà chờ một cơ hội khác. Vì tâm trạng muốn “xoá bài làm lại”, ông trở nên một trong những người tích cực nhất trong nỗ lực thủ tiêu chính quyền xứ Bắc Hà. Cơ hội đó đã đến năm 1788, khi Nguyễn Huệ kéo quân ra bắc diệt Vũ Văn Nhậm, sau đó ra lệnh tìm kiếm quan lại cũ của nhà Lê để làm việc, Ngô Thì Nhậm là người tất tả chạy ra “trình diện” đầu tiên.

“Bấy giờ viên quan văn là Ngô Thì Nhậm vào yết kiến trước, Ước (Võ Văn Ước, lễ quan có nhiệm vụ đưa những người đến trình diện vào gặp Nguyễn Huệ) tưởng lầm là hoàng tử nhà Lê, liền mời cùng ngồi với mình. Tiếp đó, bọn Lê Phiên đến, đều lạy ở dưới dân. Ngô Thì Nhậm trong bụng rất áy náy, vội đứng dậy đi ra. Ước lấy làm lạ không biết là ai, bèn hỏi:

- Người vừa ngồi đây là ai thế?

Có người trả lời:

- Văn ban Ngô Thì Nhậm đấy!

Ước giận mà rằng:

- Ta vâng mệnh cai quản tất cả, sao lại được vô lễ như vậy?

Rồi Ước tức tốc sai người theo bắt. Ngô Thì Nhậm biết trước chuyện đó, nên lúc ra, vội vàng trốn tránh ngay.[3]”

Ngô Thì Nhậm bị truy nã vội chạy đến Trần Văn Kỷ là người thân tín của Bắc Bình Vương để nhờ che chở. Trần Văn Kỷ đưa ông vào yết kiến, được Nguyễn Huệ phong cho làm Lại bộ tả thị lang, Tình Phái hầu. Cũng nên biết rằng rất có thể chính Ngô Thì Nhậm là tác giả của những hàng chữ này[4]

nên đã miêu tả một cách vinh quang là vì Nguyễn Huệ nghe tiếng ông nhưng cũng có thể chỉ vì ông xung phong ra trước nên được trọng dụng để cho người khác noi gương.

Dẫu sao cái triều đình rệu rạo ấy chẳng qua chỉ là một thứ bù nhìn, chức vụ của ông cũng chỉ là một thứ chức hàm để đóng vai chiêu tập quan lại cũ cho dễ. Trong thời gian ngắn ngủi Nguyễn Huệ ở lại miền Bắc (chỉ chừng vài mươi ngày - tháng 4 đến tháng 6/1788) Ngô Thì Nhậm đã làm được một số công tác nổi bật. Trong khi phần lớn cựu thần nhà Lê ra cộng tác với tân trào với tâm trạng hoang mang, miễn cưỡng, chiếu lệ thì Ngô Thì Nhậm tỏ ra tích cực và cố gắng để “gãi đúng chỗ ngứa” cho chủ mới.

Ngay từ lần đầu ra Bắc Hà Nguyễn Huệ đã có bụng muốn thay họ Trịnh làm chúa. Ông không vừa lòng với cái tước Nguyên Soái Phù Chính Dực Vận Uy Quốc Công mà vua Hiến Tông ban cho, đến khi thấy miền bắc quả là “không có người” như Nguyễn Hữu Chỉnh đã nói, trong bụng lại càng khao khát muốn chiếm ngôi nhà Lê. Chính vì thế ông đã ghét cay ghét đắng ông cháu rể Vũ Văn Nhậm vì cái tội đưa ông Hoàng Tử Lê Duy Cẩn lên làm “giám quốc” khiến ông mất cái dịp để “theo đạo trời để làm vua trong nước” (chiếu lên ngôi). Cũng có thể Vũ Văn Nhậm ngầm thực hiện ý định của Nguyễn Nhạc là dựng nên một nước Bắc Hà song song với Nam Hà hầu chặn đứng tham vọng của Nguyễn Huệ nên vô hình chung trở thành một thứ “kỳ đà cản mũi”.

Ngô Thì Nhậm thì lại theo một con đường khác. Ông luôn luôn biết đâu là phía mạnh và đâu là phe đã thất thế. Trước đây ông đã đứng hẳn về phe Quận Huy và Đặng thị Huệ, đối kháng với những nhà nho bảo thủ còn tuân thủ triết lý chính thống của Khổng giáo không tán thành phe trưởng lập ấu để đến nỗi gây ra vụ đại án năm Canh Tý (1780) thì lúc này ông cũng đã nhìn ra được gió đã đổi chiều. Chỗ ngứa của Nguyễn Huệ là gì, nếu chẳng

phải là lên ngôi hoàng đế, làm chủ luôn cả cõi Bắc Hà. Nguyễn Huệ không cảm thấy mình phải nợ nần gì nhà Lê, không có liên hệ vua tôi như ông sau này đã khẳng định, ông chưa làm chẳng qua vì thời cơ chưa thuận tiện mà thôi. Chính vì cái tham vọng của ông quá lộ liễu nên Lê Duy Kỳ đã hoảng sợ bỏ chạy khi quân Tây Sơn kéo ra bắc, dù dưới danh nghĩa phù Lê.

Chỉ chưa đầy một tháng phục vụ chủ mới, thị lang Ngô Thi Nhậm đã tập hợp được một số cựu thần nhà Lê và soạn ngay một tờ biểu suy tôn để xin Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế. Công việc có chiều hấp tấp và lộ liễu đó không được mấy người hưởng ứng, những người có tư cách đều không ra, có kẻ bị ép thà tự tử nên Nguyễn Huệ phải hậm hực kéo quân trở về Thuận Hoá.

“Văn Huệ sai người lùng hết các bày tôi văn võ, cưỡng ép họ đến cửa cung khuyết để cùng đứng tên vào tờ biểu khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Huy Trạc bị bắt đến Ngự sử đài, không chịu ký tên vào tờ biểu ấy, đêm đến, uống thuốc độc tự tử. Việc này do đó cũng đình chỉ.

Văn Huệ ở lại vài ngày, bèn sai Duy Cận đứng giám quốc, giữ việc thời cúng (tôn miếu nhà Lê) còn mình thì rút quân về Nam.[5]”

Hoàng Lê Nhất Thống Chí viết như sau:

“Qua vài ngày, Bắc Bình Vương dẫn quân về Nam. Trước khi lên đường, Vương chọn năm sáu viên văn thân là bọn Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tôn, Nguyễn Bá Lan... phong cho quan tước. Ích làm chức Tả thị lang bộ Hộ, tước Thụy Nham hầu, được đưa về Nam còn bọn Lịch, Tôn, Lan... thì đều được phong chức Hàn lâm trực học sĩ, theo Đại Tư Mã Sở ở lại đất Bắc. Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên đều xin về dưỡng nhàn, nhưng vẫn được Bắc Bình Vương cho giữ nguyên chức tước, và sai bộ Lễ cấp phát giấy tờ cho họ trở về làng xóm. Tham tụng là Bùi Huy Bích, Thiêm đô là Nguyễn Huy Trạc đều có đến Kinh, nhưng không chịu cho dẫn vào lạy chào. Rồi

đang đêm Bích trốn còn Trạc thì tự tử ở đài Ngự Sử.”

Chúng ta không biết Nguyễn Huy Trạc là người thế nào nhưng trong vai ngự sử ông hẳn phải là một người cương trực. Cái chết của ông không phải Ngô Thì Nhậm thì còn ai chịu trách nhiệm ở đây?

Thế nhưng theo Hàn Các Anh Hoa thì không phải chỉ một lần mà đến ba lần Ngô Thì Nhậm viết biểu suy tôn Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế để ép các quan ký tên. Đây là bản dịch của bà Đỗ Thị Hảo trong Ngô Thì Nhậm tác phẩm I từ trang 165 đến trang 171:

Tờ Biểu Suy Tôn (lần thứ nhất)

“Thần nghe:

Nghĩa của Xuân Thu là “đại nhất thống” cho nên bậc vương giả chịu mệnh trời, hưởng phúc nước, ắt phải thể theo đạo trời, dựng nên ngôi báu, thì sau kỷ cương mới thống nhất, pháp độ mới phân minh.

Nước Việt Nam ta[6] cõi bờ gồm 13 thừa tuyên, giữa chừng chia cắt hơn 200 năm. Trước đây vua Thái Đức ghi năm đầu tuy rằng thừa thời cơ mà dựng vị hiệu, nhưng vẫn chỉ chiếm cứ riêng một phương, thiên hạ chưa định hẳn về một mối. Nay (nhà vua) vâng mệnh trời, thuận lòng người, mở rộng bờ cõi, lần thứ hai xa giá ra Trung đô, liền có cả thiên hạ. Thế nhưng vẫn mang niên hiệu Thái Đức, để cho sĩ dân ngơ ngác, không biết qui hướng vào đâu. Nếu không sớm lên ngôi báu, thì lấy gì để gắn bó lòng người. Cúi mong bậc thánh thông minh, lấy thiên hạ làm trọng, ngẩng lên vâng theo ý trời, cúi xuống xét tình dân chúng, lên ngôi hoàng đế, xuống chiếu đổi niên hiệu, để thoả tấm lòng suy tôn của thần dân, để lưu truyền mãi mãi cơ nghiệp ức vạn năm tông xã. Đó là nguyện vọng lớn của bọn thần vậy.”

Theo lý mà nói, lời lẽ trong bài biểu này không có gì là thuyết phục. Thế nào là “bậc vương giả chịu mệnh trời?” (nguyên văn cổ vương giả thụ mệnh

hưởng quốc - 故王者受命享國). Còn bảo vua Thái Đức “thiên hạ chưa định hẳn về một mối” thì Nguyễn Huệ cũng chỉ mới làm chủ có một phần giang sơn. Các quan nhà Lê không khứng chịu việc thay bậc đổi ngôi một cách trắng trợn như thế nên tờ biểu này không dùng được.

Chẳng bao lâu họ Ngô lại viết một bài biểu thứ hai.

“Thần nghe:

“Trời giúp thiên hạ đặt ra vua ra thầy” cho nên người có đức lớn ắt được chịu mệnh trời, làm chúa tể của thần dân thiên hạ. Nước Việt ta từ năm Giáp Ngọ (1774) trở lại đây, Nam Bắc gây chiến, dân chúng rơi vào cảnh lầm than. May nhờ lòng trời ghét cảnh loạn lạc, nên chia lâu tất hợp. Bệ hạ thuận theo ý trời, nắm được thời thế, dấy binh dẹp loạn, cứu trăm họ trong cảnh gian nan, thống nhất non sông, công trạng hơn hẳn đời trước. (Bởi thế) giữ được mệnh trời, thu được thần khí, thần dân trong bốn biển đều dụi mắt để xem nền chính trị mới. Bệ hạ nên theo lệ cũ của triều đại trước, lấy năm đại định lên ngôi báu. Trên là để nối lại giềng mối lớn trời Nam, rồi sau xây dựng kỷ cương, dấy nền pháp độ của triều đình thì cơ nghiệp dài lâu, thế lực hùng mạnh, sẽ tốt lành mãi mãi đến ức muôn năm.

Cúi đọc chữ vàng phê phỏ (thấy): lòng thánh nhân rất mực nhún nhường, việc lên ngôi trọng đại mệnh mang khó hình dung được.

Song mệnh trời giao phó, trăm họ suy tôn, ứng hình tượng rồng bay trong hào ngũ quẻ Kiền chính là việc hôm nay. Bọn thần hèn mọn, tài năng tầm thường, gặp thời anh minh, dám đâu không dốc lòng hết sức, để giúp thành nghiệp lớn. Cúi mong bệ hạ hãy soi thấu cái nghĩa của thời cuộc, thể tất tâm lòng của dân chúng, nhận lấy danh nghĩa rạng rỡ của thiên hạ, khiến cho thần dân Nam Bắc có chỗ trông cậy. Rồi ra được thấy bốn biển mãi mãi thanh bình, nghiệp lớn thêm bền vững, để sánh với sự hưng thịnh của vua

Thang, vua Vũ, vượt lên trên công nghiệp của nhà Hán, nhà Đường. Đó là nguyện vọng lớn của bọn thần vậy.”

Bài này cường độ “tâng bốc” đã tăng lên một mức, lấy toàn điển cố, sánh Nguyễn Huệ với các bậc thánh vương trong khi trên thực tế ông chưa làm được gì cho dân miền Bắc cả ngoài việc vợ vét gạo thóc, kho tàng chở về Nam. Cũng như bài biểu thứ nhất, bài này cũng không ai hưởng ứng và có lẽ cũng chẳng thèm nhớ đến nếu không được chép lại trong Hàn Các Anh Hoa. Thành thử Ngô Thì Nhậm lại có công gọt giũa để thêm một bài “suy tôn” lần thứ ba bằng lối văn biền ngẫu:

Trộm nghĩ:

Sao Bắc thần yên vị, ba viên soi Hà Hán huy hoàng.

Ngôi Nam diện sáng ngời, tám cõi ngóng áo xiêm thịnh trị.

Vươn cổ ngóng tầng mây, dốc lòng theo bóng nhật.

Chúng thần trộm nghĩ:

Đạo đức đã tràn đầy ba cực, phải có tay chặn đất dân đen.

Vua thầy là trách nhiệm một người, chẳng nên bỏ hư lâu ngôi báu.

Nghĩ Việt Nam ta từ Hùng Vương dựng nước,

Sách trời ghi chép rõ ràng, mười ba tuyên cõi bờ muôn dặm

Dòng họ dõi truyền rực rỡ, vài ngàn năm giềng mối trăm vua,

Thực nhờ sự phù hộ của hoàng thiên, nên mới dám đối chọi với Trung Quốc

Từ đông bắc nhân họ Lê suy yếu, đất đai bèn chia cắt bởi quần hùng

Tuy tây nam có hoàng huynh nổi lên, oai trời chưa tràn lan khắp cõi

Bình xa thì xa xôi không tới, quân mã liền ồ ạt nổi lên

Kể từ năm Giáp Ngọ (1774) khởi binh, rồng thần đã ra tay khắp cõi

Nay tới năm Mậu Thân (1788) gặp vận ngôi thiêng cần đợi bậc thay trời

Vì đức sang hợp sự mở mang, nên bốn cõi vào tay nắm giữ.

Kính nghĩ hoàng đế bệ hạ:

Trời sinh khí sáng thần giúp tài cao
Một áo nhung gầy dựng non sông, là em quý của anh hùng Tây thổ
Ba thước kiếm quyết trừ loạn lạc, là chân nhân sáng suốt cõi trời nam
Một cơn giận dữ dựng võ yên dân, bốn cõi xông pha giương oai dẹp giặc
Từ Tiêm La ra Bắc không một thành bền, vang dậy vẫn ngọn qua vua Vũ
Từ Long Đỗ về nam hai lần xe đuổi, duy trì cho cung điện vua Nghiêu
Công trạng lớn mệnh mông khôn tả, chính sự hay rực rỡ đáng ghi
Trăm quan nghiêm huấn lệnh, làm việc binh không để nhiều dân
Ba tạng để di ngôn, sửa phong tục chẳng cần cầu Phật
Muru cao mở lối kinh luân, kẻ giỏi trở tài vận dụng
Hai kinh mở ra cung điện, gốc nguồn tông xã được vững vàng
Đôi miếu xum họp thân biên, đường lối võ văn đều thực hiện
Công đức thực tốt đều hai mặt, nên trời người thuận cả một chiều
Trăm điều bói mộng tốt lành, càng tỏ rõ câu văn trị thống
Dân chúng âu ca qui phục, hiệp theo lời sấm phá đền
Xét theo lý số không sai, so với thời cơ rất hợp
Thánh nhân cân nhắc sự nghe theo, khiêm nhượng nêu cao đức lớn
Dân chúng trông chờ điều đổi mới, suy tôn tỏ rõ lòng thành
Trông cây khắp trời đâu cũng vậy, qui mô thống nhất chính là đây
Cúi mong:
Sớm lên ngôi báu, rộng mở nghiệp vua
Lời nói việc làm giữ đạo trung dụng xây chế độ
Chủ trương chính sách ở ngôi cao nắm giữ mỗi giềng
Tể tự dâng nghi lễ kính thành huy hiệu chép tôn nghiêm rạng rỡ
Để được thấy muôn phương an lạc, bốn biển thanh bình
Xuân năm đầu nghiệp lớn mở mang, trông bộ thánh sánh cùng sao sáng
Nước bốn mùa ơn sâu đầm thấm, mừng nhà vua hưởng phúc lâu dài.”

Nếu không tìm hiểu về thực trạng lúc đó, bài biểu này ắt sẽ cho chúng ta một hình ảnh xã hội thiên đàng. Thực ra, tình hình còn đang ngả nghiêng, về hành chánh cũng như chính trị đều chông chênh quân Tây Sơn đang cố thanh toán nốt những khu vực còn trung thành với nhà Lê.

Theo lời khai của bọn Nguyễn Huy Túc với quan nhà Thanh thì như châu Hoan, châu Diên (tức vùng Thanh Hoá, Nghệ An) và một số trấn Sơn Nam, Sơn Tây, Hải Dương, Kinh Nam, Kinh Bắc, Tuyên Quang, Hưng Hoá... vẫn còn một số thổ hào, hưởng ứng cần vương nổi lên chống lại nhưng lực lượng yếu ớt, không có gì đáng kể.[7] Tại Yên Thế có Dương Đình Tuấn, vốn dĩ là một tay “anh chị” ở Lạng Giang, nay hưởng ứng Cần Vương được phong làm Bình Khẩu tướng quân. Trần Quang Châu, Trần Đình, Hoàng Xuân Tú ở Chí Linh. Trần Quang Châu được phong là Định Vũ Hầu. Ở Thanh Hoa có con cháu nhà Lê là Lê Duy Trọng, Lê Duy Phác. Hoàng đệ Lê Duy Chi (em vua Chiêu Thống) thì dấy lên ở Tuyên Quang, Thái Nguyên. Ngoài ra còn vô số các thổ hào và dư đảng họ Trịnh mỗi người làm chủ một cõi.

“Theo lời Nguyễn Huy Túc (阮輝宿) khai ra thì đất An Nam trước nay có 52 phủ, trong đó 12 phủ là do thổ mục, man tù sinh sống (tức người vùng núi), còn thực quyền là 40 phủ, trong đó đạo Thanh Hoa gồm 4 phủ 15 huyện, đạo Tuyên Quang 3 châu 1 huyện, đạo Hưng Hóa 10 châu 2 huyện là chưa đầu hàng Nguyễn Văn Huệ, ngoài ra An đạo 4 phủ 12 huyện của miền trên[8] cũng chưa hàng, còn miền dưới thì hàng cả rồi. Đạo Sơn Nam 9 phủ 36 huyện, miền trên cũng đã hàng, miền dưới chưa hàng. Đạo Sơn Tây gồm 5 phủ 24 huyện, miền trên chưa hàng, miền dưới cũng đã hàng. Đạo Kinh Bắc gồm 4 phủ 20 huyện, miền trên chưa hàng, miền dưới hàng rồi. Đạo Hải Dương 4 phủ 19 huyện, miền trên đã hàng, miền dưới chưa hàng. Đạo Thái Nguyên 8 huyện, 3 châu, miền trên chưa hàng, miền dưới đã hàng.

Đạo Cao Bằng 1 phủ, 4 châu và Lạng Sơn 1 phủ, 7 châu cũng đã đầu hàng. Nguyễn Văn Huệ muốn xúi bầy dân chúng bắt giao Lê Duy Kỳ nên đã hứa miễn giảm sưu thuế cho dân trong mười năm.[9]”

Xem như thế, các vùng xuôi tuy đã dưới quyền kiểm soát của quân Tây Sơn nhưng các vùng núi phần lớn chưa bình định được. Việc đánh giữ và thu phục lòng người không phải chuyện một ngày một buổi, dư đảng nhà Lê và các thổ hào tuy chưa thống nhất chỉ huy thành những lực lượng lớn nhưng gần như có mặt khắp nơi.

Mặc dù Nguyễn Huệ cố tuyển mộ gấp rút một đoàn quân địa phương để bổ xung lực lượng, đa số quân trú đóng ở miền Bắc vẫn là quân đem từ miền Nam ra mà khác biệt về tiếng nói, phong tục, cách sinh hoạt chưa có thể khắc phục một sớm một chiều. Nhân sĩ Bắc Hà hoang mang không biết phải làm sao, tình hình biến chuyển nhanh hơn những gì họ có thể dự liệu nên nhiều người đã nghiêng qua ngả lại, theo gió đổi chiều đến mấy lần.

Chính vì thế mặc dù Ngô Thì Nhậm cố hết sức thuyết phục, o ép cựu thần nhà Lê ký vào bản “suy tôn” nhưng thời thế chưa chín mùi để Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế. Không thể đóng quân mãi ở xa đại bản doanh, thả mối bắt bóng, ngày chậm tháng chầy có thể đưa đến những bất lợi, cực chẳng đã, Bắc Bình Vương đành phải để một đại tướng trấn giữ miền Bắc rồi rút về Thuận Hoá chờ cơ hội khác.

3/ Bài chiếu lên ngôi

Theo chính sử, khi nghe tin quân Thanh sang đánh nước ta, vua Quang Trung (đang ở Phú Xuân) nghe lời các tướng lên ngôi để cho “chính vị”. Đại Nam Liệt Truyện viết là:

“... Huệ được tin báo cả mừng rằng: Con chó Ngô là hạng gì, lại dám ngông cuồng như vậy? Tức thì hạ lệnh cử binh. Các tướng đều xin chính vị hiệu đế

trước, để ràng buộc lòng người. Huệ bèn đắp đàn ở bên nam núi Ngự Bình, lấy ngày 25 tháng 11, tự lập lên ngôi hoàng đế, đổi năm đầu là Quang Trung...”[10]

Còn Hoàng Lê Nhất Thống Chí thì viết:

“... Ngày 20 tháng ấy, Sở lui về Tam Điệp thì ngày 24 (tháng 11), Tuyết đã vào đến thành Phú Xuân, Bắc Bình Vương được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay.

Nhưng các người đến họp đều nói:

- Chúa công với vua Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với ngôi chí tôn, lòng tôn phò của mọi người chưa thực vững bền, nay nghe quân Thanh sang đánh càng dễ sinh ra ngờ vực, hai lòng. Vậy xin trước hết hãy chính vị hiệu, ban lệnh ân xá khắp trong ngoài, để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người, rồi sau sẽ cất quân ra đánh dẹp cõi Bắc cũng chưa là muộn.

Bắc Bình Vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên núi Bàn (ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, Thừa Thiên – Huế), tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi; chế ra áo cổn, mũ miện, lên ngôi Hoàng đế, đổi năm thứ 11 niên hiệu Thái Đức của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc làm năm đầu niên hiệu Quang Trung. Lễ xong hạ lệnh xuất quân. Hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).”[11]

Đối chiếu với những tài liệu khác nhau ta thấy rằng ngày 25 đây là tháng 11. Theo Hoa Bàng ngày 25-11 vua Quang Trung lên ngôi, 29-11 quân ra đến Nghệ An, đóng lại 10 ngày để tuyển lính, 20-12 đến Tam Điệp, sau đó mới sắp xếp tiến quân ra Bắc. Tuy nhiên theo bài chiếu lên ngôi thì ông tức vị ngày 22 tháng 11, so với sử xê xích 3 ngày trước đó. Nếu như vậy, khi tin chưa đến nơi thì vua Quang Trung đã lên ngôi và việc chuẩn bị tiến ra Bắc đã được tính toán, sắp xếp từ trước. Điều đó càng cho chúng ta thấy mọi việc đều nằm trong một kế hoạch, không phải đến đâu làm đó phù hợp với đường

lỗi của ông hơn là một kẻ bốc đồng, hơi kịch tính mà người ta miêu tả. Có những điểm đáng ngờ trong lịch trình xuất quân này:

- Ngày 24-11 Nguyễn Huệ được tin báo thì ngày 25-11 đã lên ngôi, việc sắp xếp nghi lễ quá gấp rút không thể nào thực hiện được. Theo bài chiếu lên ngôi, đại lễ được thực hiện vào ngày 22 tháng 11 nghĩa là trước khi được tin báo quân Thanh đã vào thành Thăng Long.

- Việc điều động một đoàn quân từ Phú Xuân ra Nghệ An trong 4 ngày lại càng khó tin, tuy vua Quang Trung nổi tiếng là điều binh thần tốc nhưng chủ yếu việc di chuyển nhanh là do kỷ luật “thép” của ông khiến binh lính sống chết cũng phải cố mà đi cho nhanh. Hơn nữa, chính bản thân ông cũng cùng đi với họ. Những huyền thoại về việc di hành là chuyện tưởng tượng của người ngoài cuộc, không thực tế. Sau ông không ai làm như vậy nữa, có lẽ vì “lợi bất cập hại”, sau trận chiến quân đội bị kiệt lực.

Do đó, chúng ta chỉ có thể chấp nhận những giả thuyết hợp lý hơn.

Nguyễn Huệ luôn luôn có một mạng lưới tình báo đưa tin cho ông một cách chính xác. Việc rút quân về Tam Điệp cũng chính là do lệnh của ông để bảo toàn lực lượng ngõ hầu đánh một trận quyết liệt và nhiều cánh quân đã được lệnh di chuyển theo đường thủy, đường bộ để tập trung tại Nghệ An ngay từ trước khi ông lên ngôi hoàng đế. Việc tạo cho Ngô Thi Nhậm một vẻ đáng Gia Cát Lượng khi ông biện luận về thế được thua để đưa ra chủ trương rút lui về Tam Điệp cũng như việc Nguyễn Huệ hỏi ý kiến Nguyễn Thiếp trước khi hành quân đều là những dật sự được thêm thắt của tiểu thuyết, không phù hợp với con người của Nguyễn Huệ và tình hình thời đó.[12] Dẫu có thật thì đó cũng chỉ là một cách thử lòng dạ sĩ phu Bắc Hà mà thôi.

Hiện nay trong Hàn Các Anh Hoa còn chép một bài Chiếu Lên Ngôi của vua Quang Trung do Ngô Thi Nhậm soạn, bản dịch như sau:

“Trẫm nghĩ: Ngũ đế đời họ chịu mệnh trời, Tam vương nhân thời mở vận

nước. Đạo có thay đổi, thời phải biến thông, nhưng đấng thánh nhân theo đạo trời để làm vua trong nước, yêu dân như con, thì cái nghĩa cũng chỉ là một.

Nước Việt ta từ Đinh, Lê, Lý, Trần mở nước đến nay, bậc thánh minh dấy lên, chẳng phải một họ. Nhưng phước, hưng, dài, ngắn, vận mệnh trời cho, chẳng phải sức người làm được.

Trước đây nhà Lê mất quyền, họ Trịnh và họ Nguyễn cũ chia nhau cương vực, hơn hai trăm năm, giềng mối rối loạn, ngôi vua chỉ là hư vị, mỗi họ tự ý gây dựng bờ cõi riêng mình, kỷ cương trời đất một phen đổ nát không dựng lên được, chưa có thời nào quá quắt như thời này. Thêm nữa, những năm gần đây, Nam Bắc đánh nhau, dân sa vào chốn lầm than.

Trẫm là kẻ áo vải Tây Sơn, không có một tác đất, vốn không có chí làm vua. Chỉ vì lòng người chán ghét loạn lạc, mong có vị minh chúa để cứu đời yên dân. Cho nên tập hợp nghĩa quân, xông pha chông gai, phá núi mở rừng, giúp đỡ Hoàng đại huynh giông ruổi binh mã, gây dựng nước ở cõi tây, dẹp Tiêm La, Cao Miên ở phía nam, rồi hạ thành Phú Xuân, lấy thành Thăng Long. Bản ý chỉ muốn quét trừ loạn lạc, cứu dân trong chốn nước lửa, rồi trả nước cho họ Lê, trả đất cho Đại huynh, ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cõi đất mà thôi. Nhưng việc đời dòi dôi, rốt cuộc trẫm không được như chí nguyện. Trẫm dựng lại nhà Lê, nhưng Lê tự quân để mất xã tắc, bỏ nước chạy trốn. Sĩ dân Bắc Hà không theo về họ Lê lại dựa vào trẫm. Đại huynh vì khó nhọc mà mỏi mệt, chỉ muốn giữ một phủ Quy Nhơn, khiêm nhường xưng làm Tây vương. Mấy nghìn dặm đất ở cõi Nam thuộc về trẫm cả. Trẫm tự nghĩ mình lượng bạc, tài đức không theo kịp cổ nhân mà đất đai rộng lớn như thế, nhân dân đông đúc như thế, nghĩ đến việc cai quản, lo sợ như cầm dây cương mục mà dong sáu ngựa.

Vừa đây, tướng sĩ văn võ, thần liêu trong ngoài đều muốn trẫm sớm định vị

hiệu, để thu phục lòng người, dâng biểu khuyên mời đến hai, ba lần. Các tờ biểu vàng suy tôn, không hẹn mà cùng một lời. Trẫm nghĩ: nghiệp lớn rất trọng, ngôi trời khó khăn, trẫm thật lòng lo không đương nổi. Nhưng ức triệu người trong bốn bể trông cậy vào một mình trẫm. Đó là ý trời, há phải việc người? Trẫm ứng mệnh trời, thuận lòng người, không thể cố chấp nhún nhường mãi, lấy ngày 22 tháng 11 năm nay lên ngôi thiên tử, đặt niên hiệu là Quang Trung nguyên niên.

Hỡi trăm họ muôn dân các người! “Lời nói lớn lao của ngôi hoàng cực là lời giáo huấn phải thi hành”. Nhân, nghĩa, trung, chính là đầu mối lớn lao của đạo làm người. Nay trẫm cùng dân đổi mới, theo mưu mô sáng suốt của tiên thánh để trị và dạy thiên hạ!

Than ôi! “Trời vì hạ dân, đặt ra vua, đặt ra thầy, là để giúp trời vỗ yên bốn phương”. Trẫm có cả thiên hạ, sẽ cùng dắt díu dân lên con đường lớn, đặt vào đài xuân.

Hỡi thần dân các người Ai nấy hãy yên chức nghiệp, chớ làm những điều không phải đạo thường. Người làm quan hãy giữ phong độ hoà mục, người làm dân yên trong lệ tục vui hoà, trị giáo mở mang hưng khởi đến chỗ rất thuận, để văn hời thời thịnh trị của Ngũ đế, Tam vương, khiến cho tông miếu xã tắc được phúc không cùng, há chẳng đẹp ư sao?”

(Trong nguyên bản chữ Hán, còn có một đoạn viết chữ nhỏ, ghi các điều sau đây)

“1/ Các địa phương trong 13 đạo, thuế ruộng, thuế thân, thuế lực dịch về vụ đông năm nay, mười phần tha cho năm phần. Những nơi bị binh hoả làm điêu tàn, cho quan phân tri khám thực, tha miễn cho cả.

2/ Quan dân triều cũ, người nào liên luy vào tội, đã bị án nặng, trừ những tội đại nghịch vô đạo, còn thì đều tha cả.

3/ Các đền thờ bách thần mà là thờ nhảm, đều bị xoá bỏ thần hiệu trong tự

điển, còn các thiên thần và tôi trung, con hiếu, đàn bà tiết nghĩa đã được các triều phong tặng thì nay đều cho thăng trật.

4/ Quan viên văn võ triều cũ, người nào chạy trốn theo vua mà còn phải trốn tránh, đều cho về nguyên quán. Người nào không muốn ra làm quan, cho tùy theo chí của mình.

5/ Quần áo dân gian Nam Hà hay Bắc Hà đều cho theo tục cũ, duy có áo châu, mũ châu thì nhất luật phải theo quy chế mới.”

(bản dịch Mai Quốc Liên, trích trong Ngô Thì Nhậm tác phẩm tập I, tr.172-4)

Bài chiếu này nếu quả thực do Ngô Thì Nhậm soạn, thì hoặc ông phải vào Phú Xuân, hoặc ông đã soạn sẵn từ trước đưa cho Nguyễn Huệ, chờ đúng dịp là đem ra sử dụng. Tuy nhiên, ai ai cũng biết họ Ngô khi đó vẫn còn ở miền Bắc, như vậy chỉ có thể là đã soạn cùng một lúc với những bài “suy tôn” nhưng chưa dùng tới.

Chúng ta cũng không quên Nguyễn Huệ đã “cả mừng” khi nghe tin quân Thanh kéo sang. Quân Thanh xâm chiếm Bắc Hà vô hình chung lại là một cơ hội bằng vàng để ông chính vị, dưới danh nghĩa cứu nước mà lên ngôi hoàng đế. Có điều chính vì được soạn từ trước nên trong bài chiếu lên ngôi, nội dung tờ chiếu chỉ nhắc đến đất đai đã thuộc về mình, công nghiệp đã lớn đủ, các quan đã mấy lần suy tôn mà không đề cập gì đến việc cần danh nghĩa chống cường địch. Việc bãi thuế cho dân, xá tội cho quan viên hay qui định về tôn giáo, quần áo... vốn thường là một chủ trương của vua mới trong thời bình cũng không thích hợp với thực trạng.

Thực ra, không phải tới lúc này Nguyễn Huệ mới bộc lộ chí khí muốn thay thế nhà Lê. Nhiều tài liệu cho thấy ông đã có ý lên làm vua từ lâu, có điều chưa thuận tiện, phần lớn vì dân chúng nhiều người còn hoài vọng tiền triều. Trong lá thư gửi Nguyễn Thiếp đề nhờ La Sơn phu tử đi xem đất dựng kinh

đô đề năm Thái Đức thứ 11, ngày mồng 3 tháng 9 (1788) ông cũng đã viết: “Đế vương mà dấy lên là bởi mệnh trời. Quả nhân theo thời dẹp loạn, vốn không phải lấy thiên hạ làm giàu. Ngày trước khi trở lại Thăng Long, chính lòng không phải không muốn giữ dòng Lê để làm rạng việc hay tốt. Nhưng trải xem qua các con cháu nhà Lê, thấy đều đại hèn không thể làm cho dân chúng theo được. Vả triều Lê đã hết, có muốn phò cũng chẳng làm sai được mệnh trời đã định.

... Người xưa nói: “Ta có lấy sự lên ngôi làm vui đâu”.

Quả cung thực là không lấy sự làm vua làm vinh. Chỉ sợ mệnh trời đã rõ rệt, nên không nhần tâm mà ngồi trông sự trị loạn ở Trung Châu, sự vì bên gầy bên béo mà nước Việt nước Tần không đoái đến nhau...”[13]

Trong hoàn cảnh đất nước lúc đó, việc Nguyễn Huệ lên ngôi để có danh nghĩa chống quân Thanh là một việc thích đáng. Đây cũng là cơ hội để ông thực hiện giấc mộng của ông đã ôm ấp và cố gắng thực hiện từ lâu.

Có điều vì là một bài chiếu đã soạn sẵn, chủ tâm của ông sẽ không còn cao thượng mà chỉ để hợp thức hoá một tham vọng nuôi dưỡng từ lâu.

Những chi tiết như “ung dung áo gấm hài thêu, ngắm cảnh yên vui ở hai cỗi đất mà thôi”[14] - nếu ở vào cảnh quần thần nằng nặc ép phải lên ngôi thì còn tạm chấp nhận được – nhưng ở vào lúc này bỗng hoá ra sáo ngữ pha chút khôi hài, trái khoáy với tình hình lửa cháy lông mày lúc đó.[15]

4/ Ngô Văn Sở – Phan Văn Lân – Lê Quýnh...

“Từ khi ấy, trên rừng dưới biển hễ có ai dám ngang ngạnh, Sở chỉ cần sai một viên tì tướng đi đánh dẹp tan được ngay. Các phủ huyện có đệ án kiện, giấy tờ lên thì Sở cứ theo việc mà xử, không để ứ đọng. Trong những ngày rỗi, Sở thường cưỡi ngựa qua các đường phố để mua vui, tự cho rằng Bắc Hà không còn việc gì khó.

Một hôm, mọi người cùng họp nhau ăn uống ở nhà Hiệp nghị, Sở bảo Lân và Tuyết rằng:

- Chúa công đem cả thành lớn giao phó cho ta, cũng ví như sai người cắt áo gấm mà chưa thể tin là có biết cách cầm kéo hay không. Các ông thấy việc đó ra sao? Giả sử có Tề Thiên Đại Thánh từ trên trời rơi xuống hay Diêm Vương từ dưới đất lên, ta cũng chỉ quét một lưới là hết. Huống chi cái lũ tẹp nhẹp, chẳng qua chỉ để người ta thử xem gương có sắc hay không, chứ làm được trò trống gì?

Rồi Sở ngoảnh lại bảo Ngô Thi Nhậm rằng:

- Quan Thị lang thật giỏi về nghề văn học, còn việc cung kiếm có thông thạo gì không?

Nhậm nói:

- Có văn tất phải có võ, văn võ không chia làm hai đường. Nhưng người xưa dùng binh gặp việc thì lo, sao ngài lại lấy việc binh làm trò chơi mà coi thường như thế? Tôi trộm nghe bọn người nước ta chạy sang bên Trung Hoa, trong đó có nhiều người định xúi họ, mở mang bờ cõi, gây ra binh biến. Ngài chịu sự ký thác ở cõi ngoài, e rằng không khỏi một phen bạc đầu vì lo lắng, đến lúc ấy ngài nên nhớ đến lời nói của tôi.

Sở cười và nói:

- Lúc ấy sẽ phiền ông làm một bài thơ để lui quân giặc. Nếu không làm được như thế, thì túi dao bao kiếm chính là phận sự của kẻ võ thần, can gì phải quá lo?”

Trên đây là trích đoạn trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí phác họa Ngô Văn Sở, viên đại tướng số một của Nguyễn Huệ, tên tuổi vang dội đến tận triều đình nhà Thanh, người thay thế mỗi khi ông vắng mặt.

Trong mấy trang kế tiếp, cuốn sách miêu tả các tướng lãnh nhà Tây Sơn như một bọn võ biên, ngu phu không biết gì đến chiến lược, chỉ biết đánh bừa

như con dê húc càn. Những viên tướng đó, thời bình thì hung hăng phét lác, khi gặp địch thì run sợ, hữu đồng vô mưu:

“Sở liền họp các tướng, định rút lui. Phan Văn Lân nói:

- Quân không cứ nhiều, nước không cứ lớn. Nay ta làm tướng cầm quân ở ngoài, giặc đến chưa từng đón đánh, chỉ mới nghe tiếng dọa hãi đã vội rút lui, thì còn làm tướng để làm gì nữa? Tôi xin đem một ngàn quân tinh nhuệ, đến thẳng sông Như Nguyệt, đánh nhau với chúng một trận xem khí thế của chúng ra làm sao và người Nam với người Thanh ai khoẻ hơn ai để cho chúng biết rằng bọn ta cũng không phải là hèn nhát. Đó cũng là sự tính toán tất thắng, trước dùng thanh thế của mình để đè bẹp quân địch vậy!

Sở cũng cho là phải.

Lân bèn đem quân qua sông đi sang phía Bắc, canh ba tới bờ phía nam sông Như Nguyệt, nghe tin quân của Tôn Sĩ Nghị đã đóng ở núi Tam Tầng. Lúc ấy tiết trời giá rét, Lân kéo quân qua sông thách đánh. Tướng sĩ vốn sợ oai của Lân, phải liều với khí lạnh mà lội bừa xuống nước. Ra đến giữa sông những kẻ cồng quá không thể qua được, đều bị chết đuối. Còn những kẻ vào tới được bờ cũng đều bị quân Thanh giết chết. Lân liệu chừng không thể giao chiến được nữa liền vẫy quân chạy lui. Đám quân tan vỡ chạy trốn vào các làng, đều bị dân chúng bắt nộp cho quân Thanh. Lân chỉ trơ một mình một ngựa mà quay về.”

Phan Văn Lân, sau thăng lên Đại Đô Đốc, người cùng với thiếu bảo Nguyễn Văn Danh trông coi việc nước khi vua Quang Trung và Ngô Văn Sở sang Tàu dự lễ bát tuần vạn thọ của vua Càn Long được miêu tả như một người hoàn toàn vô tích sự và ấu trĩ về quân sự, đem 1000 quân bơi qua sông để tấn công vào đại binh của giặc trong một đêm giá rét. Đây cũng không phải là một con rạch nhỏ mà là sông Cầu, một con sông lớn của miền bắc. Cũng đoạn sử đó, chính sử nhà Nguyễn chép tương đối đỡ khinh bạc hơn. Theo

KDVSTGCM – CB, quyển XLVII (ấn bản điện tử trang 993) như sau:

“... Văn Sở sai tướng chẹn giữ bến đò Xương Giang. Lại sai nội hầu Phan Văn Lân đem hơn một vạn quân tinh nhuệ ở Thăng Long lên đóng ở Thị Cầu.

Sau khi phá vỡ luôn được mấy cánh quân của Tây Sơn, quân Thanh tiến lên chiếm đóng núi Tam Tầng. Văn Lân, nhân đang đêm, xông pha rét lạnh, lên vượt sông Nguyệt Đức, vây doanh trại Tôn Sĩ Nghị. Nhưng thế trận của Sĩ Nghị vững chắc, không lay chuyển, đồng thời súng hoả sang của quân Thanh lại cùng bắn ra: giặc không đến gần được. Trương Sĩ Long, tiên phong quân Thanh, xung phong giết giặc. Cung tên của hai cánh quân tả dực và hữu dực nhà Thanh lại bắn châu vào: quân giặc bị chết vô kể. Trước đó, Sĩ Nghị ra quân kỳ, do phía thượng lưu, vượt qua sông, đánh úp doanh trại Thị Cầu. Trông thấy trong trại bốc lửa, giặc cả sợ, phải vượt lũy mà chạy. Quân Thanh thừa thắng, ruổi dài, cả phá được giặc.

Văn Lân chạy về Thăng Long. Sĩ Nghị tiến đến bờ phía Bắc sông Nhị.”

“Giặc” đây chính là quân Tây Sơn, chính sử nhà Nguyễn gọi là giặc.

Thực ra, quân ta không đến nỗi kém cỏi như thế. Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân đều là những tướng lĩnh nhiều kinh nghiệm chiến trường nên đã tổ chức chiến đấu khá chu đáo. Ngô Văn Sở một mặt dùng đường lối ngoại giao để xin nhà Thanh bãi binh[16], một mặt thu xếp rút quân về Tam Điệp, Biện Sơn để bảo toàn lực lượng, trong khi vẫn bố trí những cánh quân mai phục dọc theo đường tiến quân để chặn đánh địch, mua thời gian.

Trong kế hoạch chống giữ, Ngô Văn Sở đảm trách nhiệm vụ rút lui, Phan Văn Lân đoạn hậu để bảo vệ cho tiền đội. Tuy nhiên quân Tây Sơn bị tổn thất khá nặng chính vì một số thổ hào và tàn quân nhà Lê thông thạo địa thế làm nội gián cho quân Thanh khiến mặt trận phía bắc tan vỡ mặc dầu viên “tư lệnh tiền phương” này vẫn hoàn tất được việc cản đường. Sau đây là

trích đoạn trong nghiên cứu Khi Núi, Đất, Biển Là Một của chúng tôi:
“(Khi nghe tin quân Thanh kéo sang) Trên đường dọc từ Lạng Sơn xuống
Thăng Long, quân Tây Sơn đã xây dựng nhiều đồn lũy bằng gỗ rất kiên cố,
chung quanh đào hào có cắm chông tre, nhưng khi nghe thế giặc quá lớn,
các tướng trấn giữ liền rút lui để bảo toàn lực lượng. Tuy nhiên, đường khó
đi nên quân Thanh cũng không dám tiến nhanh. Theo tài liệu nhà Thanh,
Tôn Sĩ Nghị tuyển vài trăm binh đi cùng với bồi thần nhà Lê là Nguyễn
Đĩnh (阮挺) hợp cùng đám thổ binh ra hàng, nhân lúc trời tối lần theo các
khu vực cây cối rậm rạp tiến lên trước nhưng không gặp phục binh của quân
ta vì tất cả đã được lệnh lui về dựa vào các sông lớn ở Thọ Xương
(壽昌)[17], Thị Cầu (市球), Phú Lương (富良) án binh chống giặc.

Ngày 13 tháng 11, tổng binh trấn Tả Giang Thượng Duy Thăng (尚維昇) và
phó tướng Tôn Khánh Thành (孫慶成), tham tướng Vương Tuyên (王宣),
du kích Tiêu Ứng Đắc (蕭應得), thủ bị Trương Vân (張雲) dẫn 1200 binh
đến bờ sông Thọ Xương thì quân Tây Sơn đã lui về giữ nam ngạn, chặt đứt
cầu phao. Hôm đó trời sương dày đặc, thiên tử Liêu Phi Hồng (廖飛鴻)
đem quân đuổi theo, y cùng với 20 binh sĩ bị rơi tằm xuống sông may sao
núi được bè tre trôi lên bờ được.

Quân Thanh thấy vậy vội chặt tre kết bè làm cầu qua sông Thọ Xương. Tôn
Sĩ Nghị chia quân làm hai cánh, sai tổng binh Nam Áo (南澳) Trương Triều
Long (張朝龍) đem 1500 quân đi đường mòn trên núi rồi theo đường Gia
Quan đánh vòng xuống. Khi Trương Triều Long đến ranh giới Tam Di

(三異), Trụ Hữu (柱右) thì dụng độ với quân nam. Theo sử nhà Thanh chép lại, quân ta chia làm nhiều mặt phân binh theo cờ đỏ, cờ trắng, cờ đen đánh trống tấn công, Trương Triều Long cũng chia binh ba mặt, do tham tướng Dương Hưng Long (楊興龍), du kích Minh Trụ (明柱) và đô ti Phú Tang A (富桑阿), thủ bị Lưu Quang Quốc (劉光國) nghênh chiến, quân ta phải rút lui.

Trương Triều Long liền sai du kích Lưu Việt (劉越) mai phục sẵn ở thung lũng, sáng sớm hôm 14 tháng 11, khoảng 200 quân ta lui về đến đây bị quân Thanh xông ra tấn công nên phải nhảy xuống khe nước bơi theo dòng rút lui. Ngờ đây quân Thanh do biện viên Trương Phan (張璠) cùng đám xương dân (phu người Hoa sang khai thác mỏ ở nước ta) và một số thổ binh về hàng quen thuộc địa thế đã đón từ trước trong những khu rừng rậm ở hạ lưu sông Thương đổ ra vây đánh, quân nam tan vỡ bị địch bắt sống 79 người.[18] Cũng trong thời gian đó, cánh quân thứ hai của nhà Thanh do du kích Trương Thuần (張純) và đô ti Châu Đôn (珠敦) đi theo đường Gia Quan, ngày 12 tháng 11 cũng gặp một cánh quân Tây Sơn do một đầu mục đội khăn đỏ từ núi cao đổ xuống đánh[19] nhưng bị quân Thanh đẩy lui, mười người bị giết, 13 người bị bắt, người đầu mục bị trúng đạn từ trên ngựa ngã xuống tử trận. Quân ta lập tức lui binh, Trương Thuần đem quân đuổi từ Gia Quan, Vân Long đến Ha Hộ (訶戶) gặp cánh quân của Trương Triều Long từ Tam Di, Trụ Hữu hai mặt đánh ập xuống, hơn một trăm người bị giết, 52 người bị địch bắt giải về chém đầu thị uy.

Trước đây khi Trần Danh Bính (陳名炳) đem quân tấn công Phan Khải Đức

thấy thế giặc to nên cũng đã bí mật ra hàng, đến khi nhận được thư của Đại Tư Mã Ngô Văn Sở phủ dụ thì quay về đài công chuộc tội, khi đó đóng ở Trục Hữu đem quân nghinh chiến.

Tôn Sĩ Nghị sai Tôn Khánh Thành, thủ bị Lê Chí Minh (黎致明) đem 300 quân đánh úp, hiệp trấn Trần Danh Bính, chỉ huy Lê Đình (黎廷), nội vệ Lật Toàn (栗全) đều bị giặc bắt.[20]

Khi nghe tin quân ta bị thua ở sông Thương, nội hầu Phan Văn Lân (潘文璘) lập tức điều động 5000 quân, đích thân chỉ huy chống giữ phòng tuyến Thị Cầu. Ông chia quân đóng trên các sườn núi và chỗ hiểm yếu ở bờ sông phía nam, lại thiết lập nhiều đồn lũy bằng tre, gỗ dọc theo bờ sông phòng ngự. Ngày 15 tháng 11 năm Mậu Thân (Càn Long 53, 1788), quân Thanh từ núi Tam Tầng (三層)[21] tiến xuống đóng ở bắc ngạn sông. Phía bắc sông Thị Cầu đất thấp, Phan Văn Lân trải quân thành hình vòng cung, tập trung súng lớn bắn sang, quân Thanh chống đỡ không nổi nên cố hết sức theo cầu phao vượt sông ừa lên. Quân ta chặn cầu phao và dùng thuyền nhỏ đánh tới, hỏa lực rất mạnh khiến cho quân địch tổn thất nặng nề, du kích Vu Tông Phạm (于宗範) trúng đạn chết, du kích Trần Thượng Cao (陳上高), thủ bị Trương Vân (張雲) thiên tử Trần Liên (陳連) đều bị trọng thương, ngay cả tổng binh Thượng Duy Thăng cũng bị thương ở ngón tay, Hứa Thế Hanh vội vàng sai quân đắp tường đất để ngăn đạn, hết sức chống giữ. Quân Thanh cầm cự từ giờ Tỵ (khoảng gần trưa) ngày 15 đến chiều tối ngày 16, cũng dàn đại pháo bên bờ sông bắn trả nhưng quân ta được lợi thế hơn vì từ trên cao bắn xuống.

Tôn Sĩ Nghị thấy dòng sông ngoằn ngoèo, địa thế tối tăm, nên sai dân quân dùng thuyền chở tre gỗ giả vờ như định làm cầu nổi để qua sông nhưng bí mật sai tổng binh Trương Triều Long đem 2000 quân nhân lúc tối trời đi xuống 20 dặm dùng cầu phao và thuyền cướp được của dân chúng, mang theo lương khô len lén vượt qua.

Trương Triều Long cho để lại 500 quân chặn giữ cửa sông, đem 1500 quân tiến lên trước, sai các thổ dân dẫn đường. Tôn Sĩ Nghị lại sợ quân đi quá ít nên sai tổng binh Lý Hoá Long (李龍) đem 500 quân đi tiếp ứng.

Đến giờ sưa ngày 17 tháng 11 (khoảng 2, 3 giờ sáng) quân Thanh ôm ống tre làm phao, men theo cầu nổi từ chính diện tiến sang, trong khi Trương Triều Long dẫn quân men theo sườn núi tập hậu đánh bất ngờ vào đại doanh của Phan Văn Lân. Khi thấy lửa nổi bốn bề, quân ta ban đêm không biết địch đông ít ra thế nào nên tan vỡ phải bỏ đồn chạy trở về Thăng Long. Theo báo cáo của quân Thanh, trận này quân ta chết phải hơn 1000 người, hơn 500 bị bắt. Tôn Sĩ Nghị muốn thị uy nên ngoài một số dân công bị cắt tai cho về báo tin, còn chém đầu 423 người bị họ bắt được, và tịch thu 314 khẩu đại pháo.[22]

Số quân của Phan Văn Lân chạy về được đến Thăng Long chỉ còn độ 1, 2 ngàn. Thấy thế giặc đang lớn, Ngô Văn Sở bàn với các tướng rồi theo kế hoạch rút lui về Tam Điệp để tập trung lực lượng chờ Nguyễn Huệ từ Phú Xuân ra chỉ huy phản công.”

Cũng trận Thị Cầu, Ngụy Nguyên thì chép theo Thanh Sử, tuy không rõ ràng nhưng cũng đầy vẻ ngoa ngôn:

“... Ngày 15, tiến đến Thị Cầu (Nguyệt Đức). Sông rộng. Vả bờ nam dựa vào núi, cao hơn bờ bắc. Giặc giữ chỗ hiểm dàn súng. Quân ta không thể kết bè. Các tướng nghĩ rằng hình thế sông cong queo, (khiến) giặc trông ra thấy

không được xa. Bè ngoài, bèn chở tre gỗ, làm cầu phao để tỏ rằng thế nào cũng qua sông (chỗ ấy). Rồi giấu hai nghìn quân ở thượng du (cách đó hai mươi dặm), chỗ nước chảy chậm, lầy thuyền con đang đèm qua sông.

Ngày 17 (tháng 11) quân ta cưỡi bè áp bờ. Cầm cự với nhau đang sôi nổi, thì gặp khi quân từ thượng du đã vòng ra sau lưng giặc, nhân chỗ cao mà hét to, đánh xuống. Tiếng ran các hang núi. Giặc không biết vương sư từ đâu xuống, bèn tan rã chạy lùi.”

(Nguy Nguyên: Việt Thanh Chiến Sử , Hoàng Xuân Hãn: sđd tr. 1342)

Riêng Lê Quýnh trong Bắc Hành Tùng Ký thì viết là mưu đánh tập hậu là do đám bồi thần nhà Lê hiển kế như sau:

“... Quýnh và Lê Duy Đản bàn với nhau rằng: “Từ khi (ta) ra cửa ải đến nay, quân địch thua luôn. Chắc chúng đặt nhiều quân ở núi Thị Cầu, (mong) có nước chặn, để cự lại. Nhưng chúng nó dùng binh chỉ biết nhìn phía trước, thường không ngoảnh về phía sau. Nên dùng kỳ binh chộp phía sau, thì chắc sẽ thắng. Quân ở doanh Thị Cầu (nếu) đã bại, thì khôi phục cố đô dễ như nhỏ nước bọt vào tay”.

Đến khi đại binh tiến đến núi Tam Tầng, cách địch con sông. Lê Duy Đản nói (mưu ấy) với quan lớn Tôn. Quan lớn bèn nghe kế.

Ngày 20, qua sông Thị Cầu, phá doanh giặc, tiến đến bờ bắc sông Phú Lương (muôn nói sông Nhị). Giặc Tây Sơn bỏ thành Thăng Long chạy về phương nam.”

(Lê Quýnh: Bắc Hành Tùng Ký, Hoàng Xuân Hãn sđd tr 880)

Nói tóm lại, nếu nói rằng Hoàng Lê Nhất Thống Chí là sách khen nhà Tây Sơn thì thực ra chỉ là đề cao Ngô Thì Nhậm nhưng lại hạ thấp những tướng lãnh khác. Chúng ta cũng ngờ rằng việc miệt thị đó bắt nguồn từ việc Ngô Thì Nhậm vốn dĩ chỉ được coi như một viên thư lại, soạn thảo công văn dưới quyền của những võ tướng này nên có bụng ghen ghét.

Chúng ta cũng thấy di thư của Ngô Thì Nhậm trong Hàn Các Anh Hoa một số lớn là những văn thư, chiếu biểu lật vặt mà dường như một tiểu lại nào cũng có thể soạn, không cần đến tài nghệ của một tiến sĩ đầu triều, hiển nhiên ông không phải là một thứ “Khổng Minh” của thời đại như từng ám chỉ.

Thời Tây Sơn, dù triều đại Quang Trung hay Cảnh Thịnh thì tình hình vẫn còn chưa ổn định, thành phần tin cậy nhất của triều đình vẫn là võ tướng và những người họ hàng thân cận, chưa đến giai đoạn văn nhân được trọng dụng. Dù muốn dù không, những mâu thuẫn không thể tránh khỏi giữa văn ban và võ ban, Đàng Trong và Đàng Ngoài khiến cho giới nho sĩ Bắc Hà có những chống đối ngầm ngấm, chỉ thể hiện được qua văn chương. Chính vì thế, những chi tiết hạ thấp giới tướng lãnh phải được nghiên cứu thật kỹ lưỡng để tránh những xuyên tạc và bóp méo sự thật của người cầm bút.

Nhiều sử gia vì quá sùng bái Nguyễn Huệ nên đã sử dụng Hoàng Lê Nhất Thống Chí như một tài liệu chính yếu để viết về triều đại Tây Sơn.

Thực ra, đây chỉ là một cuốn tiểu thuyết chương hồi trong đó chỉ có một phần sự thật, cái sự thật chủ quan của một vài cá nhân như họ nhìn thấy.

Khi nâng cao một người và hạ thấp những người chung quanh, kể cả những tướng lãnh thân cận nhất, vô hình chung tác giả đã hạ thấp vị anh hùng của mình vì một người tin dùng những kẻ tầm thường như thế thì không còn là một nhà lãnh đạo giỏi nữa. Nghệ thuật lãnh đạo quan trọng không chỉ ở khả năng bản thân mà còn phải biết cách chỉ huy những người tài giỏi khác. Nếu quả thực đối với việc sinh tử của hàng vạn, hàng chục vạn quân lính dưới quyền lại dùng những dự ngôn đoán mò của vài nhà nho lỗ thời làm kim chỉ nam thì khả năng của người đó lại càng đáng xét lại.

Chúng ta cũng không ngạc nhiên khi thấy một số văn kiện quan trọng hàng đầu trong bang giao Thanh Việt cuối thế kỷ 18 lại không phải do Ngô Thì

Nhậm soạn. Lá Thư Kêu Gọi Phan Khải Đức trở về với dân tộc, bài Biểu Cầu Phong của vua Quang Trung và một số lớn chiếu biểu gửi lên vua Càn Long là những thí dụ điển hình. Không lý gì những bài văn quan trọng như thế mà họ Ngô lại bỏ sót nếu ông là tác giả?[23] Chúng ta có thể kết luận rằng vào thời kỳ đó, không phải chỉ có ông mà còn nhiều nho sĩ lỗi lạc khác có mặt trong triều đình nhưng tương đối âm thầm hơn nên ít người nhắc đến. Nhân vật bị Ngô Thì Nhậm “dìm” nhất có lẽ là Lê Quýnh. Với lối văn khinh bạc rẻ rúng, chúng ta phải tự hỏi hai người có thù hằn gì với nhau chăng? Việc hai người đứng vào thế đối lập chỉ mới một phần vì chính một phần lớn người trong gia đình họ Ngô cũng không cộng tác hay chống lại nhà Tây Sơn (trong đó có chú và em ruột Ngô Thì Nhậm), thành phần lưng chừng lại còn đông hơn nữa. Ở thời kỳ đó, chính tà chân nguy không có ranh giới rõ rệt việc, nhiều người hết làm quan cho nhà Lê lại làm quan cho Tây Sơn, sau đến khi Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà thì lại làm quan cho triều Nguyễn.[24]

Có lẽ Quýnh là người thẳng thắn, nóng tính có hiềm khích với Ngô Thì Nhậm, thành thử trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí, họ Ngô cố tình hạ nhục Lê Quýnh, lắm khi bịa đặt những chuyện không hề có cho bõ ghét: “Lại nói Lê Quýnh người làng Đại Mão, huyện Siêu Loại vốn là một tay phong lưu công tử, con trai của tiến sĩ triều Lê là Lê Doãn Giản. Khi tuổi trẻ, Quýnh chỉ biết uống rượu, đánh bạc, việc văn việc võ đều chưa hề luyện tập qua. Trước kia vì là con nhà quý tộc thân cận, nên được vào làm gia thân nhà vua. Đến khi quân Tây Sơn tới xâm lấn, kinh thành thất thủ, Quýnh vâng mệnh vua theo hầu Thái hậu lên Cao Bằng, rồi bị quân giặc đuổi bắt phải chạy sang Trung Quốc. Vì Quýnh hơi biết chữ nghĩa, cho nên khi chuyện trò với người Thanh, thường bịa ra nhiều câu khoác lác. Tôn Sĩ Nghị cũng không biết xét đến chỗ đó, đem lời tâu lên, vua Thanh ưng thuận. Thế

rồi may được khôi phục lại nước nhà, Quýnh tự cho là công lao của mình. Sau khi về thành Thăng Long, Quýnh chỉ lo đền ơn trả oán và công nhiên ăn của đút lót. Những tay hào kiệt trong nước đều không ưa Quýnh. Vua cho là Quýnh có công giao cho cầm quân. Nhưng Quýnh mắt còn choáng lộn bóng tinh kỳ, tai chưa quen nghe tiếng chiêng trống, nói gì đến chuyện sắp đặt việc binh bị? Quýnh bèn mượn cớ không muốn xa rời cạnh vua, xin vua truyền cho viên Trấn thủ Sơn Tây đem quân bản bộ đóng trước ở Gián Khẩu, để chặn đường của quân Tây Sơn. Đó là Quýnh cốt cho mình khỏi phải ra trận, còn việc chinh chiến được hay thua, nước nhà còn hay mất, Quýnh chẳng cần biết đến làm gì.”[25]

Ngô Thì Nhậm cũng đổ hết các tội “ân đền oán trả” của Lê Chiêu Thống là do Lê Quýnh xúi bẩy. Có lẽ khi nhà Lê định công phạt tội, Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích bị liệt vào trong những người “đem thân theo địch, lại nhận chức tước của chúng, đều truất làm dân, về làng gánh vác sai dịch” nên Lê Quýnh trở thành đối tượng để ông mạ lỵ. (Hoàng Lê Nhất Thống Chí tr. 364)

Về hành vi của Lê Quýnh trong thời kỳ quân Thanh đóng ở Thăng Long có ba nguồn tài liệu khác nhau:

- Hoàng Lê Nhất Thống Chí chép là “Lê Quýnh suốt ngày say mê tửu sắc; ân oán riêng dù bằng cái tơ, sợi tóc cũng đều đền báo không bỏ sót” (tr. 364), lại đòi của Nguyễn Quý Nha “hai chục lạng vàng” (tr. 365), ngày ngày chỉ cưỡi ngựa theo sau vua Lê tới chờ ở doanh của Tôn Sĩ Nghị để nghe truyền việc quân (tr. 360)...

- Theo Bắc Hành tòng ký là lời tự thuật của chính Lê Quýnh thì “bấy giờ Quýnh bị bệnh sốt rét nổi to, không thể liệu việc được, bèn mang bệnh về quê nhà (làng Đại Mão, huyện Siêu Loại, thuộc Bắc Ninh) để uống thuốc.” (La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn tập II, tr. 880) Đoạn này cũng được chính

học giả Hoàng Xuân Hãn cũng cho rằng Lê Quýnh phải đúng hơn Hoàng Lê Nhất Thống Chí.

- Lời tâu của Tống Văn Hình (宋文型), Tả Giang đạo Quảng Tây thì “Lê Quýnh không tán thành việc làm của Lê Duy Kỳ, ngày ngày chỉ lo việc chém giết, báo thù những chuyện tơ tóc riêng tư, nên không vì Lê Duy Kỳ mà ra sức, đến khi Tôn Sĩ Nghị trách cứ liền cáo bệnh không ra, thành thử nhân tâm ly tán, Lê Duy Kỳ thất thế rồi không thể nào gượng lại được nữa”. [26]

Học giả Hoàng Xuân Hãn cũng tỏ ý nghi ngờ có việc bất đồng giữa Lê Quýnh và vua Chiêu Thống, thành thử ông không đề cập gì đến những hoạt động của vua Chiêu Thống trong suốt một tháng quân Thanh đóng ở Thăng Long vì không muốn viết ra những lời bất nhã về người chủ mình. Riêng một điểm đó cũng đủ biết ông là một người có tư cách.

Sau khi quân Thanh đại bại, Phúc Khang An sai Nguyễn Trinh về đòi Lê Quýnh sang Quảng Tây để hỏi chuyện. Lúc đó ông đã khỏi bệnh, theo đường Aì Diêm đến châu Ninh Minh. Đến lúc này, nhà Thanh không còn muốn giúp Lê Duy Kỳ nữa mà quay sang thân cận với Nguyễn Huệ. Tuy họ vẫn dung cho vua Chiêu Thống và tùy tùng nhưng đối đãi rất tệ hại.

Để cho vua tôi nhà Lê không còn tụ tập để mưu tính điều gì nữa, nhà Thanh phát vãng mỗi người một nơi, kẻ đi Cát Lâm, người đi Phụng Thiên, Nhiệt Hà. Người cứng đầu như Hoàng Ích Hiểu bị đày đi tận vùng sa mạc Siberia (I Lê, thuộc Tân Cương). [27] Tới đây, Lê Quýnh mới thấy bề bàng vì nhà Thanh đánh lừa chứ không thực bụng muốn giúp nhà Lê. Phúc Khang An đòi ông gọt đầu thay áo nhưng ông nhất định không chịu nên bị giam mãi, từ năm 1789 đến 1800 mới được tha ra. [28] Câu nói bất hủ của ông “đầu có thể chặt nhưng tóc không thể cắt, da có thể lột nhưng áo không thể đổi” đã được

ghi vào thanh sử. Dù không đồng ý về quan điểm trung quân một cách mù quáng, chúng ta không thể không cảm phục về sự cứng cỏi của ông mà chính người Tàu cũng phải kiêng nể.

Năm 1801, Lê Quýnh xin được cho đem tàn cốt vua Lê về Đồng Nai nhưng không được chấp thuận. Đến năm 1803, sau khi nhà Tây Sơn đã bị diệt, vua Gia Long đã lên ngôi, các bầy tôi của nhà Lê mới xin đem hài cốt thái hậu, vua Lê Chiêu Thống và nguyên tử (con trai đầu của Lê Chiêu Thống) về nước. Năm Giáp Tý (1804) tất cả về đến Thanh Hoa.

Lê Quýnh ở bên Tàu 16 năm, trong số 25 người không chịu khuất phục ông là người đứng đầu sổ nên khi chết được vua Gia Long đặt tên thụy là Trung Nghị và được thờ trong đền ở Hà Nội. Hoàng Xuân Hãn khi dịch Bắc Hành Tùng Ký đã kết luận như sau:

“Thời cùng tiết nãi hiện (khi vận nước hết thì khí tiết nhân dân bền tỏ rõ).

Văn Thiên Tường đã bộc lộ một sự thật đời đời trong câu thơ bất hủ ấy.

Ngày nay cũng như ngày xưa, dân ta đã tỏ cái khí tiết bất khuất đối với mọi lý tưởng vì nước, vì dân, vì tinh thần, vì tư tưởng. Sự Lê Quýnh không chịu cắt tóc, đành chịu ngục tù thật ra thì chỉ là việc mọn, nhưng nó tỏ tinh thần dân ta đời đời không chịu khuất nhục, không chịu mất dân tộc tính. Vậy đó là một giai thoại nên ghi và đáng được nhắc lại. Nếu độc giả cũng cảm thấy như thế thì chúng ta không phụ công Quýnh đã biên tập Bắc Hành Tùng Ký và tôi cũng không luống công trình bày và dịch tác phẩm ấy.”[29]

5/ Công lao đàm phán với nhà Thanh thuộc về ai?

Bị định hình theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí và lời tường thuật của Hoa Bằng trong Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792 (Hà Nội 1944), nhiều người trong chúng ta, kể cả người viết, vẫn tin rằng sự thắng lợi của triều đình Đại Việt trong việc đàm phán với nhà Thanh là do những

thủ đoạn mang lại. Những việc đó xét cho cùng đã hạ thấp vai trò của quốc gia nói chung và Nguyễn Huệ nói riêng, coi việc giao thiệp với Thanh triều là một tập hợp những tiểu xảo trong khi đường lối ngoại giao nào cũng cần có hậu thuẫn của chính trị và quân sự. Sự nhầm lẫn đó, trong tư cách cá nhân có lẽ tác hại sẽ hạn chế nhưng nếu tiếp tục đem áp dụng trên trường quốc tế thì hậu quả sẽ nghiêm trọng hơn nhiều.

Thực ra, cho tới đời Càn Long, Trung Hoa đã hình thành một cơ cấu chính quyền khá hoàn chỉnh, không kém gì những quốc gia tân tiến trên thế giới hiện nay. Tổ chức chính trị và quân sự của nhà Thanh rất có lớp lang và bang giao Việt Thanh cho thấy chưa bao giờ nước ta có một vị trí quan trọng như thế trong lịch sử. Nghiên cứu kỹ càng và đánh giá lại thời kỳ này để tìm lại một chỗ đứng cho triều đình Quang Trung cần nhấn mạnh vào cả hai phương diện: chính sách của Thanh triều và cách thức phản ứng của nước ta. Tương quan đó cũng còn có thể đưa ra được một số mô thức làm khuôn mẫu cho liên hệ giữa Việt Nam và Trung Hoa, nhất là ngoại giao luôn luôn là một chính sách tiếp nối với đấu tranh bằng quân sự.

Bang giao Thanh Việt có thể chia làm bốn thời kỳ:

- Giai đoạn trước chiến tranh Việt – Thanh: Không nắm vững thực trạng, vua Càn Long và Tôn Sĩ Nghị đã coi việc can thiệp vào nước ta như một cơ hội để tạo thêm một chiến tích mà ông vua già muốn thực hiện để lưu danh thiên cổ. Bốn chữ Thập Toàn lão nhân, biệt hiệu cuối đời của vua Càn Long bao gồm nhiều nghĩa trong đó có cả 10 chiến công trong thời gian ông trị vì. Riêng Tôn Sĩ Nghị, người nho sĩ muộn màng mang tâm tư “phải có danh gì với núi sông” đã nhiều lần muốn được chỉ huy một chiến dịch để được cái tiếng văn võ song toàn nên đã coi việc can thiệp vào chuyện nước Nam như một cơ hội hiếm có.

Với chủ trương đó, việc đám tôn thất nhà Lê chạy sang Tàu chỉ là cái cớ để

nhà Thanh nhân danh đạo lý “hung diệt kẻ tuyệt” để xua quân sang chiếm nước ta.

- Giai đoạn chiến tranh: Khi thấy việc tiến quân tái chiếm Thăng Long quá dễ dàng, nhà Thanh lại cảm thấy việc đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng là một chiêu bài bẫy tặc nên muốn nhân cơ hội chiếm luôn cả nước Nam và khống chế toàn vùng Đông Nam Á. Tâm lý khinh địch của Tôn Sĩ Nghị đưa đến sự thảm bại trong trận đánh mùa xuân năm Kỷ Dậu.

- Giai đoạn đàm phán, cầu hoà và xin phong vương: Sau khi thua trận, Phúc Khang An, người thay thế Tôn Sĩ Nghị đã nhận ra rằng tình hình càng lúc càng khó khăn, việc đem quân Nam chinh sẽ đem đến bất lợi chẳng khác gì những lần chinh phạt Miến Điện trước đó không lâu mà chính ông ta có tham dự.

Tâm lý miễn cưỡng của Phúc Khang An và thái độ mềm dẻo của nhà Tây Sơn đã khiến cho vua Càn Long cảm thấy uy tín của mình không bị xúc phạm. Nguyễn Huệ không những được phong vương mà vị trí còn đưa lên một mức độ cao chưa từng thấy.

- Giai đoạn thông hiếu bao gồm các sứ bộ Việt Nam trong đó đáng kể nhất là phái bộ Nguyễn Quang Hiến và phái bộ do chính vua Quang Trung cầm đầu. Nghi thức đón tiếp hai phái đoàn cho thấy nước ta đã tạo được một uy tín đáng kể, có thể coi như lừng lẫy nhất trong đời Càn Long. Nhân đà chiến thắng quân sự và ngoại giao, Nguyễn Huệ đã phác họa một chiến lược bành trướng để kiểm soát toàn vùng Đông Nam Á, nếu không hoàn toàn xoá bỏ các nước Tiêm La, Nam Chướng, Cao Miên, Vạn Tượng... thì cũng biến họ thành phiên thuộc dưới sự kiểm soát và cai trị của ta.

Trong hai giai đoạn đầu, đường lối ngoại giao nào cũng đem đến thất bại vì nhà Thanh có dã tâm xâm chiếm nước ta. Do đó, tuy mềm dẻo, lắm khi nín nhịn, Tôn Sĩ Nghị vẫn hống hách, hung hăng tiến binh và tàn sát những binh

sĩ y bắt được trong khi giao tranh. Chỉ sau khi quân Thanh bị đại bại, Phúc Khang An lại không chủ chiến và vua Càn Long cũng mong mỗi một thái độ cầu hoà từ phía Việt Nam, tình hình mới bắt đầu sáng sủa.

Cứ theo sử sách, vai trò ngoại giao của Ngô Thì Nhậm chỉ được biết tới khi ông được cử lên Lạng Sơn đàm phán với quan nhà Thanh ngày 22 tháng giêng năm Kỷ Dậu ngay sau khi cuộc chiến vừa chấm dứt. Tuy nhiên lần giao thiệp sơ bộ này không thành công và vua Quang Trung phải đưa lên một phái đoàn khác. Để tỏ thiện chí, bên ta đề nghị (nếu được chấp thuận) sẽ trả lại những tù binh đã bị bắt và bằng lòng nạp cống theo các lệ cũ của tiền triều, như vậy có nghĩa là nhà Thanh phải chính thức công nhận Nguyễn Huệ là An Nam quốc vương. Lúc đó Tôn Sĩ Nghị vẫn còn nắm quyền tổng đốc Lương Quảng, đang trấn trọng binh ở Trấn Nam Quan để đề phòng Việt quân tấn công sang, nhận được thư của vua Quang Trung, y rất tức giận vì thấy rõ bên ta đưa ra điều kiện trước, nếu có phong vương mới chịu trả tù binh, nên đã thốt lên “quả là đáng ghét” (情殊可惡).[30]

Y liền sai tả giang đạo Thang Hùng Nghiệp (湯雄業) cầm lá thư vút trả lại.

Còn vua Càn Long sau khi nhận được tin liền mật chỉ bảo Tôn Sĩ Nghị rằng vút trả biểu văn chưa đủ uy lực nên phải kèm theo điều kiện là yêu cầu vua Quang Trung trước khi đưa biểu văn tới phải đem những người đã giết các tướng lãnh nhà Thanh ra xử trước ba quân để làm gương, nếu không sẽ sai Phúc Khang An sẽ đem quân sang hỏi tội.

Theo tài liệu của nước ta, trong số thư từ qua lại có cả bức thư trần tình do Phan Huy Ích soạn nhưng vì lời lẽ ngạo nghễ nên Thang Hùng Nghiệp không dám trình lên. Bức thư đó vì thế không lưu lại trong văn khố nhà Thanh mà chỉ còn lại một tờ biểu cầu phong tương đối nhũn nhặn.[31]

Về việc này Khâm Định Việt Sử viết như sau:

“Tháng 2, Khang An đến mặc phủ Thái Bình thuộc Quảng Tây. Văn Huệ sai bày tôi là Ngô (Thì) Nhậm lên sang nhà Thanh để xin đầu hàng và tạ tội. Lại đem nhiều vàng lót cho Khang An, nài xin Khang An dàn xếp cho. Khang An được nhiều của lót, lại lấy làm mai rằng nếu thôi việc dấy quân thì được ung dung vô sự, bèn tâu xin vua Thanh nên nhân đó cho Văn Huệ được thông hiếu, đừng gây hấn ở ngoài biên giới nữa. Vua Thanh y theo.”[32]

Hoàng Lê Nhất Thống Chí thì viết:

“Vừa mới thay Nghị làm chức tổng đốc, An Khang đi trạm đến mặc phủ Quảng Tây, đã chính mắt thấy Nghị trở lại một thân chạy về, rồi đó, tai lại được nghe thanh thể của vua Quang Trung nên trong bụng không khỏi rụt rè lo sợ. Đến khi tiếp được bức thư từ biên cương đưa tới, Khang An quyết liều tự mình gánh vác lấy việc phương Nam, bèn nói kín với viên Phân phủ họ Vương ở phủ Thái Bình rằng:

- Nam Bắc thôi việc binh đao, đó là phúc của sinh dân, mà thực là điều may lớn cho các quan ở ngoài bờ cõi. Ta nghe nói có viên quan coi giấy tờ của nước Nam tên là Ngô Thì Nhậm, bao nhiêu thư từ từ trước đến giờ đều do tay y mà ra. Vậy ông nên viết thư trả lời, bảo y chuyên tâm chủ trương việc giảng hoà, gấp rút viết tờ biểu tạ tội đưa sang, ta sẽ ở trong giúp đỡ cho, việc ấy thế nào cũng xong.

Phân phủ họ Vương lui ra, tức thì viết thư cho Ngô Thì Nhậm, Nhậm đem việc ấy tâu với vua Quang Trung.

Bấy giờ, vua Quang Trung tuy đã dẹp yên Bắc Hà, nhưng ở miền Nam, vẫn có cái lo bên trong, nên muốn gấp rút về Nam, bèn họp các tướng sĩ lại mà bảo:

- Việc binh ở Bắc Hà, ta giao cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân. Việc giao thiệp với Trung Quốc ta giao cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích. Mọi việc đều cho phép các người tùy tiện xử trí. Ta hãy về Nam, nếu việc gì không

quan hệ lẫn thì bắt tất phải qua lại bầm báo cho thêm phiền phức.”

Kế đó Hoàng Lê Nhất Thống Chí cũng ghi lại việc bang giao giữa hai nước, tất cả đều do công lao của Ngô Thì Nhậm, vừa do văn tài lỗi lạc, vừa khéo “móc nối” với bọn Hoà Khôn, Phúc Khang An để che mắt vua Càn Long.[33]

Thực ra sở dĩ tiến trình bang giao được thuận lợi vì nhiều nguyên nhân và các sứ bộ ta đều phải tranh đấu rất gay go. Theo sử sách tổng kết, dường như bất cứ quốc gia nào đàm phán với Trung Hoa đều hay bị họ tìm cách “ăn gian” một vài điểm. Lần này họ lại định lấy của ta 40 dặm đất nhà Thanh lấn chiếm trước đây nhưng vua Ung Chính đã phải trả lại. Vũ Huy Tấn và Nguyễn Hữu Chu hai vị sứ thần đã phải lặn lội “bảy lần gõ cửa Nam Quan”[34] mới đạt được thắng lợi to lớn đến như thế.

Sau khi được chấp thuận phong vương, vua Quang Trung cử cháu là Nguyễn Quang Hiến đưa một phái đoàn 60 người sang tận Yên Kinh triều cận, tiếp nhận sắc phong và ấn An Nam quốc vương đem về nước. Đại lễ đó hoàn toàn không thấy đề cập gì trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí, và hầu như toàn bộ chi tiết trong tiến trình đàm phán đều do Ngô Thì Nhậm tưởng tượng ra nên không đúng sự thực. Hoa Bằng trong Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792 cũng viết dựa theo Thanh Thực Lục, pha trộn với Hoàng Lê Nhất Thống Chí nên cũng rất nhiều điểm sai lầm, về lễ tất cũng như về trình tự.

Những phái bộ, thư từ qua lại phần lớn là thù tạc, nặng phần xưng tụng hư văn, ít thực tiễn. Tuy nhiên sau hai phái bộ chính thức của nước ta sang Yên Kinh, vị trí của Đại Việt đối với nhà Thanh càng thêm nổi bật. Cao điểm trong bang giao giữa hai nước thời kỳ đó là phái đoàn sang dự lễ Bát Tuần Vạn Thọ của vua Cao Tông do chính vua Quang Trung cầm đầu nói lên tầm quan trọng của nước ta thì lại bị miêu tả một cách hời hợt và lố bịch. Chúng

tôi sẽ trình bày chuyển đi đó chi tiết hơn trong một biên khảo khác.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu về thời Tây Sơn bị nhiều hạn chế, về tài liệu cũng như về quan điểm. Sự đóng khung trong một số định đề chính trị đã khiến cho nhiều người không thể đi ra khỏi khuôn mẫu sáo mòn, ái ốc cập ô. Trong bài này, chúng tôi không có ý muốn hạ bệ hay bôi đen một thần tượng nào mà chỉ muốn trình bày một số quan điểm đã bị khai thác một cách lệch lạc. Tình hình đời Tây Sơn tương đối phức tạp và triều đình Quang Trung đã khôn khéo và mềm mỏng, tạo được một vị trí rất đáng kể cho nước ta. Tiếc thay một số nhà nghiên cứu đã không vượt được hai “bức tường rêu” là chính sử triều Nguyễn và cuốn tiểu thuyết chương hồi Hoàng Lê Nhất Thống Chí, biến chính sách bang giao quốc gia thành những tiểu xảo vụn vặt thiếu nghiêm chỉnh.

Điều đáng nói là một cuốn tiểu thuyết chương hồi xuất hiện đúng lúc có thể tạo một khuôn mẫu suy nghĩ không phải cho một mà cho nhiều thế hệ. Tam Quốc Chí đã tạo cho người Á Đông những định kiến chặt chẽ về Gia Cát Lượng, Quan Vũ, Lưu Bị, Tào Tháo, Trương Phi, Triệu Vân... thì Hoàng Lê Nhất Thống Chí cũng thế. Cuốn tiểu thuyết này không phải chỉ là một bộ sử mà lắm khi đã biến thành một bộ chân kinh để người ta dùng phản bác những ai dám đụng chạm đến nhà Tây Sơn, đến Nguyễn Huệ. Cũng chính từ những chi tiết ở đây, người ta cũng đánh giá luôn cả Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Lê Quynh như chúng tôi vừa dẫn chứng.

Chính sách bang giao của nhà Tây Sơn cũng chỉ còn một mình Ngô Thì Nhậm, với những tiểu xảo “Trạng Quỳnh chọi trâu” áp dụng vào tâm vóc quốc gia. Không ít những nhà ngoại giao Việt Nam cận đại đã theo lối mòn đó vào chính trường quốc tế mà hậu quả nhiều khi không sao lường được

cho cả dân tộc.

Riêng về Ngô Thì Nhậm, chúng tôi xin kết luận bằng trích đoạn sau đây từ Giai Thoại Làng Nho:

“... Số là năm mới 5 tuổi, nhân ngày mồng một tết, Ngô Thời Sĩ lấy giấy mực ra viết mấy dòng khai bút: “Hoàng triều Cảnh Hưng vạn vạn niên chi thập nhất, tuế thứ canh ngọ, chính nguyệt, nguyên đán, cát thời thí bút, Tả Thanh Oai, Ngộ Phong Ngô Thời Sĩ.

Năm Cảnh hưng thứ 11 trong muôn vạn năm, canh ngọ tháng giêng mồng một giờ tốt thử bút. Tả-thanh-oai, Ngộ Phong Ngô-thời-Sĩ.

Viết xong, ông gọi con bảo:

- Ra đây thầy đặt tên cho để khai bút nhân thể.

Cậu con vẽ mặt lấu lỉnh, hỏi:

- Thế tên thầy là gì đã?

Ngộ Phong chỉ vào chữ Sĩ 仕. Con liền cầm bút phẩy lên trên chữ này một nét, thành chữ 任 Nhiệm.

Ông bèn đặt tên cho con là Thời Nhiệm, và rất mừng được đưa con mần tiếp, mới lên năm đã biết tự đặt lấy tên. Nhưng ông em không lấy làm hài lòng, vì sách tự ra, chữ 任 nhiệm là 壬人 šnhâm nhân: người khéo nịnh bợ[35].”

Giữa cái tên và con người lắm khi cũng có sự liên quan.

Tháng 8/2004

[1] Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục – Chính Biên (bản dịch Viện Sử Học Hà Nội, ấn bản điện tử do Lê Bắc, Công Đệ, Ngọc Thuỷ, Tuyết Mai, Thanh Quyên)

<http://www.viethoc.org/eholdings/sach/kdvstgcm.pdf> trang 951-2

- [2] Ngô gia văn phái: Hoàng Lê Nhất Thống Chí (Hà Nội, nxb Văn Học 2002) tr. 15-21
- [3] Hoàng Lê Nhất Thống Chí (Hà Nội, nxb Văn Học 2002) tr. 302-3
- [4] Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng những chương về vua Quang Trung trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí là do Ngô Thì Nhậm viết. (Ngô Thì Nhậm tác phẩm I, tr. 17)
- [5] KDVSTGCM – CB q.XLVII tr. 991 (ấn bản điện tử). Theo ý của đoạn này, cái chết của ngự sử Nguyễn Huy Trạc xảy ra vào lần suy tôn thứ ba và có thể vì thế mà tình hình đột nhiên căng thẳng nên Nguyễn Huệ tức tối bỏ về nam. Về sau số người cộng tác với nhà Tây Sơn đông hơn nhưng tới lúc này thì chỉ có vài người nêu tên ở trên, những người khác trốn tránh hoặc theo vua Lê tìm đường khôi phục.
- [6] Trong nguyên văn chỉ viết là “ngã Việt” nghĩa là nước Việt ta chứ không ghi là Việt Nam. Quốc hiệu Việt Nam lúc này chưa có, tôn trọng dịch giả chúng tôi để nguyên văn.
- [7] Trang Cát Phát: (莊吉發): Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu (清高宗十全武功研究) (Trung Hoa thư cục, Bắc Kinh 1987) tr. 353
- (đây là bản chụp lại bản của Đài Loan năm 1982) tr. 346.
- [8] nguyên văn thượng lộ và hạ lộ hẳn là phiên dịch mạn ngược và miền xuôi
- [9] Trang Cát Phát: sđd tr. 353
- [10] Quốc Sử Quán triều Nguyễn: Đại Nam Liệt Truyện (Huế: Nxb Thuận Hoá 1997) q. 2 tr. 548
- [11] Hoàng Lê Nhất Thống Chí tr. 371-2
- [12] Chính gia phả của Nguyễn Thiếp cũng không chép việc hỏi ý kiến này (La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, tập 2, tr. 1052)

[13] Hoàng Xuân Hãn, sdd tr. 1047

[14] Nguyên văn: (逍遙繡裳赤寫之遊，觀兩地之驩虞而已 - tiêu dao tú thường xích tả chi du, quan lưỡng địa chi hoan ngu nhi dĩ)

[15] một số sử gia lấy những chi tiết như “Đại huynh vì khó nhọc mà mỗi mệ, chỉ muốn giữ một phủ Quy Nhơn, khiêm nhường xưng làm Tây vương. Mấy nghìn dặm đất ở cõi Nam thuộc về trăm cả...” để bảo vệ luận điểm Nguyễn Huệ tự coi mình làm chủ toàn cõi Việt Nam, thống nhất quốc gia trước Nguyễn Ánh. Lý luận đó rõ ràng là điều khiên cưỡng.

[16] Xem thêm biên khảo Khi Núi, Đất, Biển là Một của Nguyễn Duy Chính

[17] tức sông Thương

[18] Theo tấu thư của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 15 tháng 11 năm Mậu Thân (Càn Long 53) tâng trử trong Cung Trung Đàng , hòm 2727, bao số 323, số hiệu 55608 (Trang Cát Phát: sdd tr. 368)

[19] đây có lẽ là một cánh quân người Thượng từ trong nam ra

[20] Bắc Hành Tùng Ký của Lê Quýnh chép là “ Đại quân thắng tới huyện Bảo Lộc, thuộc Giang Bắc. Ba lần đánh đều được. Bắt đô đốc Trần Danh Hoán, chém đi”. (Có lẽ sách chép nhầm hai chữ bính 炳 và hoán 煥) La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, tập II, tr. 879

[21] núi có ba tầng chồng lên nhau, ở xã Nam Ngạn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh, cách huyện Việt Yên 9 dặm về phía đông (theo Đại Nam Nhất Thống Chí)

[22] Minh Thanh sử liệu, thiên Canh, bản thứ 2, trang 101 (Trang Cát Phát: sdd tr. 368- 9).

[23] Nguyên văn những văn thư đó được trích và dịch lại đầy đủ trong Khi Núi, Đất, Biển là Một của Nguyễn Duy Chính

[24] Phan Thúc Trực (潘叔直) Quốc Sử Di Biên (國史遺編) (Hương Cảng:

Trung Văn đại học Tân Á nghiên cứu sở, 1965) tr. 13-4 chép là:

Trong số quan lại có cả văn võ nhà Lê, hàng thần nhà Ngụy Tây đều đến bái yết (vua Gia Long), tùy theo tài từng người mà bổ nhiệm, trong đó có tiến sĩ Bùi Huy Bích, Nhữ Công Chấn, Phạm Quí Thích, Lê Huy Du, Lê Huy Trâm, Nguyễn Huy Lý, Nguyễn Bá Lãm, Nguyễn Cát, Lê Đình Hiễn, Nguyễn Trọng Tông, Lê Trọng Thử, Lê Duy Thản, Nguyễn Thời Ban, Ngô Thế Lịch, Nguyễn Du, Nguyễn Trung Càn, Nguyễn Đăng Sở, cùng các quận công Cát Đăng, Thần Đầu, Thanh Nê, Bảo Từ, Nhân Tuy, La Mỗ, Bình Vọng, tất cả đều chờ cho xa giá nhà vua đến để chúc mừng... Trong số đó Huy Bích, Công Chấn từ chối trở về quê, Quí Thích làm trợ giáo Bắc Thành, Huy Du làm đốc học Bắc Thành, Huy Trâm làm đốc học Kinh Bắc, Huy Lý, Bá Lãm, Trọng Thử, Đình Hiễn cũng kế tiếp làm đốc học, Trọng Tông là hiệp trấn Kinh Bắc, Duy Thản làm hiệp trấn Lạng Sơn. Người ngoài bắc vì thế mới có câu rằng:

Hai mươi bốn ông Tiến Sĩ triều Lê,

Tám thật, tám giả, tám giả thật.

Nếu như bỏ khăn bịt đầu xuống,

Chẳng biết ông nào là ông thực

黎朝進士二十四

八真八偽八真偽

如今.劫纏頭巾

未覽誰非又誰是

(Lê triều tiến sĩ nhị thập tứ,

Bát chân, bát nguy bát chân nguy.

Như kim thoát kiếp triền đầu cân,

Vị lâm thủy phi hựu thủy thị)

[25] Hoàng Lê Nhất Thống Chí, tr. 370-1

[26] nguyên văn

黎罔亦不幫輔黎維祁，惟日事屠殺，報復平日睚眦之私，於黎維祁毫

無出力之處，

經孫士毅加之訓飭，伊即稱病不出，以此人心渙散，黎維祁一蹶而不

能復振

(Lê Quynh diệp bất bang phụ Lê Duy Kỳ, duy nhật sự đồ sát, báo phục bình nhật nhai tử chi tư, ư Lê Duy Kỳ hào vô xuất lực chi xứ, kinh Tôn Sĩ Nghị gia chi huẩn sức, y tức xưng bệnh bất xuất, dĩ thử nhân tâm hoán tán, Lê Duy Kỳ nhất quyết nhi bất năng phục chân) (Khâm Định An Nam Kỷ Lược, quyển 25, trang 13, tấu triệp của Phúc Khang An đề ngày 24 tháng 12 năm Càn Long thứ 54) Trang Cát Phát: sđd tr. 374

[27] La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn: Bắc Hành Tùng Ký (Hoàng Xuân Hãn dịch và chú thích) tập II tr. 896

[28] Tất cả những biện pháp đối đãi, an trí, chức vụ mà nhà Thanh áp dụng với di thần nhà Lê đều do vua Cao Tông chỉ đạo và quyết định, không phải là thủ đoạn của quan lại địa phương như họ vẫn tưởng lầm. Thanh triều đã nhận ra rằng lá bài Lê Duy Kỳ không còn có thể dùng được nữa nên hất hủi họ rất tẻ bạc, mặt khác lại sùng ái vua Quang Trung một cách khác thường.

[29] La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn: sđd tr. 937

[30] Trang Cát Phát: sđd tr. 384

[31] Xem nguyên văn tờ biểu và bản dịch trong Khi Núi, Đất, Biển là Một

của Nguyễn Duy Chính

[32] KDVSTGCM- Chính Biên, quyển XLVII tr. 998 (ấn bản điện tử)

[33] Hoàng Lê Nhất Thống Chí, tr. 386-9 34

[34] (微臣七度叩南關– vi thần thất độ khấu Nam Quan) Hoa Bằng: Quang

Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792 tr. 274

[35] Lăng Nhân: Giai Thoại Làng Nho (Texas: Cơ sở xuất bản Zieles, 1985) tr. 218-9

Nguồn: Việt Kiếm

Được bạn: Thái Nhi đưa lên

vào ngày: 6 tháng 11 năm 2004